TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 597/2022/LĐ-PT
Ngày: 23/9/2022
V/v Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc

Các Thẩm phán: Ông Bùi Liên Minh
Bà Nguyễn Thị Thoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Minh Sang
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 31 tháng 8 năm 2022; các ngày 15 và 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 31/2022/TLPT-LĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022, về việc "Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động".

Do Bản án lao động sơ thẩm số 02/2022/LĐ-ST ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4102/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 11160/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 8 năm 2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 11783/2022/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12333/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ánh N, sinh năm 1978 (có mặt tại các phiên tòa ngày 31/8/2022 và 23/9/2022; vắng mặt tại các phiên tòa ngày 23/8/2022 và 15/9/2022).

Thường trú: 15 Tầng 4 (sau) B1, phường P1, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 5/10/10C Đường Đ1, Khu phố K2, phường P2, thành phố P1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty C1.

Trụ sở chính: Tòa nhà N1, số 72-74 đường Đ3, phường P3, Quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người nhận ủy quyền lại:

- Bà Lạc Thị Tú D, sinh năm 1983 (có mặt tại phiên tòa ngày 31/8/2022, vắng mặt tại phiên tòa ngày 23/8/2022);

- Ông Trần Văn P, sinh năm 1992 (vắng mặt tại các phiên tòa ngày 23/8/2022 và 31/8/2022).

Cùng địa chỉ liên lạc: Tòa nhà N1, số 72-74 đường Đ3, phường P3, Quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh.

(theo Giấy ủy quyền số công chứng 005904 ngày 23/5/2021 của Văn phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh và Văn bản đơn phương chấm dứt thực hiện ủy quyền số công chứng 010963 ngày 14/9/2022 của Văn phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Bùi Quốc T - Luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại các phiên tòa ngày 31/8/2022, 15/9/2022 và 23/9/2022; vắng mặt tại phiên tòa ngày 23/8/2022 và khi tuyên án ngày 23/9/2022).

- Bà Trần Thị Mỹ N - Luật sư Công ty C2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại các phiên tòa ngày 23/8/2022, 31/8/2022, 15/9/2022 và 23/9/2022).

- Ông Đặng Thành T - Luật sư Công ty C2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt tại các phiên tòa ngày 31/8/2022, 15/9/2022 và 23/9/2022).

- Bà Lạc Thị Tú D - Luật sư Công ty C1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa ngày 15/9/2022 và vắng mặt tại phiên toà ngày 23/9/2022).

2. *Bị đơn:* Trường Đại học L1.

Trụ sở chính: 02 Đường Đ4, Phường P4, Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hoàng H - Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường Đại học L1.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

- Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1977 (có mặt tại các phiên tòa ngày 23/8/2022, 31/8/2022, 15/9/2022 và 23/9/2022);

- Ông Đoàn Xuân Q, sinh năm 1988 (có mặt tại các phiên tòa ngày 31/8/2022, 15/9/2022 và 23/9/2022; vắng mặt tại phiên tòa ngày 23/8/2022);

- Bà Nguyễn Thị Ái L, sinh năm 1996 (có mặt tại các phiên tòa ngày 31/8/2022, 15/9/2022 và 23/9/2022).

Cùng địa chỉ liên lạc: 02 Đường Đ4, Phường P4, Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(theo các Giấy ủy quyền ngày 10/8/2022 và ngày 30/8/2022).

3. Người kháng cáo: Bà Lê Thị Ánh N - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 05/11/2020, Đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 22/02/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Ánh N trình bày: Ngày 29/10/2001, bà Lê Thị Ánh N ký Hợp đồng lao động số A120 với Trường Đại học L1 (sau đây gọi tắt là Trường L1), loại hợp đồng dài hạn 01 năm, kể từ ngày 01/11/2001 đến ngày 01/11/2002 với chức vụ: Trợ giảng, ngạch lương: 15.111, bậc lương: 1, hệ số 1,92, hưởng 85%. Ngày 30/12/2005, bà N được Hiệu trưởng Trường L1 tuyển dụng vào viên chức ngạch giảng viên, mã số 15.111, được hưởng 100% hệ số lương 2,34, bậc 1 của ngạch 15.111 kể từ tháng 9/2003 theo Quyết định số 1290/QĐ-ĐHL ngày 30/12/2005. Ngày 13/01/2006, bà N tiếp tục ký Hợp đồng làm việc với Trường L1, loại hợp đồng dài hạn 03 năm, kể từ ngày 01/11/2005 đến ngày 31/10/2008 với chức danh chuyên môn: Giảng viên, ngạch được bổ nhiệm: 15.111, bậc lương: 1, hệ số 2,34, phụ cấp: Theo quy định của Nhà nước. Ngày 21/11/2011, bà N ký Hợp đồng làm việc với Trường L1, loại hợp đồng không xác định thời hạn, từ ngày 01/11/2011, với chức danh chuyên môn: Giảng viên, ngạch: 15.111, bậc lương: 3, hệ số 3.00 (mức lương và hệ số sẽ thay đổi theo Quyết định nâng lương, nâng ngạch của Hiệu trưởng), phụ cấp: Theo quy định của Nhà nước.

Quá trình làm việc, bà N luôn được Trường L1 đánh giá, phân loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cũng như hoàn thành tốt các công việc được phân công. Đến tháng 8/2015, sau khi bà N nghỉ thai sản thì phát hiện sự việc Tiến sĩ Trần Việt D đã sử dụng một phần bản thảo Chương 1 do bà Lê Thị Ánh N viết để hoàn thành Chương 1 của Giáo trình B1 nên đã báo cáo sự việc đến Ban Giám hiệu của Trường L1. Từ sau sự việc đó, bà N luôn bị chèn ép và trù dập từ công việc đến tinh thần. Ngày 18/5/2020, Hiệu trưởng Trường L1 đã ra Quyết định số 378/QĐ-ĐHL về việc kỷ luật viên chức đối với bà N với hình thức kỷ luật là buộc thôi việc, với lý do: Đã vi phạm khoản 1 Điều 4, khoản 3 Điều 10, khoản 11 Điều 11, khoản 5 Điều 13 Nghị định 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ về việc xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức (sau đây gọi tắt là Nghị định 27/2012/NĐ-CP). Cùng ngày 18/5/2020, Hiệu trưởng Trường L1 đã ra Quyết định số 379/QĐ-ĐHL về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc đối với bà N do ông Trần Hoàng H là Phó Hiệu trưởng Trường Đại học L1 ký.

Nay, bà Lê Thị Ánh N nhận thấy việc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc do ông Trần Hoàng H là Phó Hiệu trưởng Trường Đại học L1 ký ban hành là không đúng quy định pháp luật nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Hủy Quyết định số 378/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2020 về việc kỷ luật buộc thôi việc và Quyết định số 379/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2020 về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc của Trường Đại học L1 đối với bà Lê Thị Ánh N.

2. Nhận bà Lê Thị Ánh N trở lại làm việc theo hợp đồng làm việc đã ký kết.

3. Thanh toán tiền lương trong những ngày không được làm việc kể từ 18/5/2020 đến khi được nhận trở lại làm việc, tạm tính từ ngày 18/5/2020 đến ngày xét xử vụ án.

4. Tiếp tục đóng tiền bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định hiện hành từ ngày 18/5/2020 đến ngày được nhận trở lại làm việc.

5. Bồi thường khoản tiền tương đương 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật với số tiền là 29.168.162 đồng.

6. Đăng tin xin lỗi và cải chính công khai trong nội bộ Trường Đại học L1 và báo chính thống về hành vi kỷ luật viên chức trái pháp luật và đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật của Trường Đại học L1 đối với bà Lê Thị Ánh N.

7. Bồi thường số tiền 14.900.000 đồng do Trường Đại học L1 đã xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, uy tín trong quá trình xử lý kỷ luật lao động đối với bà Lê Thị Ánh N.

Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bị đơn Trường Đại học L1 do ông Cao Ngọc S đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà Lê Thị Ánh N là viên chức tại Trường Đại học L1 theo Hợp đồng làm việc số 164/2011/ĐHL-HĐLV ngày 21/11/2011. Quá trình thực hiện công việc được giao, bà N nhiều lần vi phạm các quy định về thời giờ làm việc, chế độ báo cáo và các quy định về nghĩa vụ, trách nhiệm của viên chức đối với Nhà trường. Sau khi thực hiện việc giải quyết và kết luận về nội dung tố cáo các vi phạm của bà N, Trường L1 quyết định kỷ luật bằng hình thức cao nhất là buộc thôi việc theo Quyết định số 378/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2020 và đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc với bà N theo Quyết định số 379/QĐ-ĐHL ngày

18/5/2020. Trường L1 xử lý kỷ luật viên chức và đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà N là hoàn toàn đúng quy định pháp luật nên không đồng ý với bất kỳ yêu cầu khởi kiện nào của nguyên đơn. Ngoài ra, Trường L1 còn có các yêu cầu phản tố như sau:

1. Buộc bà Lê Thị Ánh N phải công khai xin lỗi Trường Đại học L1 trước toàn thể Hội đồng trường, Ban giám hiệu Nhà trường và các viên chức, giảng viên, nhân viên, đồng thời phải đăng thông tin cải chính, xin lỗi trên Báo B1, Báo B2, Báo B3 với nội dung xin lỗi như sau: "Tôi tên Lê Thị Ánh N, là cựu giảng viên Khoa K1 Trường Đại học L1. Vào năm 2020, tôi có khởi kiện Trường Đại học L1 ra Tòa án nhân dân Quận Q3 vì cho rằng Nhà trường và các lãnh đạo Nhà trường đã có các hành vi chèn, ép, trù dập tôi, giả mạo giấy tờ, tài liệu lừa dối Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao che cho vụ việc đạo văn của ông Trần Việt D, ban hành Quyết định kỷ luật và buộc thôi việc đối với tôi trái pháp luật. Nay tôi khẳng định ý kiến trình bày nêu trên của tôi là không đúng sự thật. Tôi gửi lời xin lỗi chân thành đến Trường Đại học L1, Ban giám hiệu Nhà trường, các viên chức, giảng viên, nhân viên của Nhà trường".

2. Buộc bà Lê Thị Ánh N phải bồi thường cho Trường Đại học L1 số tiền tổn thất về tinh thần là 14.900.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn do ông Cao Ngọc S đại diện theo ủy quyền không đồng ý với bất kỳ yêu cầu khởi kiện nào của nguyên đơn, đồng thời yêu cầu được rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 02/2022/LĐ-ST ngày 16/5/2022 của Tòa án nhân dân Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ánh N đối với Trường Đại học L1 về việc: Hủy Quyết định số 378/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2020 của Trường Đại học L1 về việc kỷ luật buộc thôi việc và Quyết định số 379/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2020 của Trường Đại học L1 về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc đối với bà Lê Thị Ánh N; nhận bà Lê Thị Ánh N trở lại làm việc theo hợp đồng làm việc đã ký kết; thanh toán tiền lương trong những ngày không được làm việc, tạm tính từ 18/5/2020 cho đến ngày 18/5/2022 như sau: 14.584.081 đồng x 24 tháng = 350.017.944 đồng; tiếp tục đóng tiền bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định hiện hành, tạm tính từ 18/5/2020 cho đến ngày 18/5/2022 tương ứng với số tiền: 14.584.081 đồng x 22% x 24 tháng = 77.003.948 đồng; bồi thường khoản tiền tương đương 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật với số tiền là

29.168.162 đồng; đăng tin xin lỗi và cải chính công khai trong nội bộ Trường Đại học L1 và báo chính thống về hành vi kỷ luật viên chức trái pháp luật và đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật của Trường Đại học L1 đối với bà Lê Thị Ánh N; bồi thường số tiền 14.900.000 đồng do Trường Đại học L1 đã xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, uy tín trong quá trình xử lý kỷ luật lao động đối với bà Lê Thị Ánh N.

2. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của Trường Đại học L1 đối với bà Lê Thị Ánh N về việc: Buộc bà Lê Thị Ánh N phải công khai xin lỗi Trường Đại học L1 trước toàn thể Hội đồng trường, Ban giám hiệu Nhà trường và các viên chức, giảng viên, nhân viên, đồng thời phải đăng thông tin cải chính, xin lỗi trên Báo B1, Báo B2, Báo B3 với nội dung xin lỗi như sau: "Tôi tên Lê Thị Ánh N, là cựu giảng viên Khoa K1 Trường Đại học L1. Vào năm 2020, tôi có khởi kiện Trường Đại học L1 ra Tòa án nhân dân Quận Q3 vì cho rằng Nhà trường và các lãnh đạo Nhà trường đã có các hành vi chèn, ép, trù dập tôi, giả mạo giấy tờ, tài liệu lừa dối Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao che cho vụ việc đạo văn của ông Trần Việt D, ban hành Quyết định kỷ luật và buộc thôi việc đối với tôi trái pháp luật. Nay tôi khẳng định ý kiến trình bày nêu trên của tôi là không đúng sự thật. Tôi gửi lời xin lỗi chân thành đến Trường Đại học L1, Ban giám hiệu Nhà trường, các viên chức, giảng viên, nhân viên của Nhà trường"; buộc bà Lê Thị Ánh N phải bồi thường cho Trường Đại học L1 số tiền tổn thất về tinh thần là 14.900.000 đồng.

Ngoài ra, bản án lao động sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ của đương sự trong giai đoạn thi hành án, quyền kháng cáo, thời hạn thi hành án.

Ngày 26/5/2022 và 30/5/2022, nguyên đơn bà Lê Thị Ánh N nộp Đơn kháng cáo và Đơn kháng cáo bổ sung, kháng cáo một phần Bản án lao động sơ thẩm số 02/2022/LĐ-ST ngày 16/5/2022 của Tòa án nhân dân Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án lao động sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn bà Lê Thị Ánh N cho rằng bị đơn Trường L1 đã kỷ luật buộc thôi việc và đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc với nguyên đơn là trái pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện nhiều hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và ban hành bản án sơ thẩm. Do đó, bản án sơ thẩm được ban hành không phù hợp với pháp luật hiện hành áp dụng đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên của đại học công lập và không xử lý các vi phạm pháp luật của Đại học L1 trong quá trình thụ lý, giải

quyết, ban hành Kết luận 1125/KL-ĐHL ngày 12/12/2019, kỷ luật buộc thôi việc và đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc đối với giảng viên, làm xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N, cụ thể: Tòa án cấp sơ thẩm đã không xác định các quy định pháp luật điều chỉnh thời giờ làm việc của giảng viên (theo quy định tại Luật Giáo dục đại học năm 2012, Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007, Thông tư 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009, Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014, Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014, Thông tư 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15/3/2017, Thông tư 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018), không xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự và pháp luật cần được áp dụng, không thu thập và đánh giá tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định, vi phạm quy định tại Điều 203, khoản 2 Điều 24 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và khoản 2 Điều 2 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2014; không ghi nhận ý kiến của nguyên đơn và cố tình cung cấp thông tin sai sự thật, đã ghi nhận nhiều nội dung không đúng sự thật khách quan trong quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên tòa ngày 05, 12 và ngày 16/5/2022, làm sai lệch hồ sơ vụ án, ban hành nhiều kết luận hoàn toàn không có cơ sở pháp luật, làm sai lệch kết quả giải quyết vụ án.

Ngoài ra, những ý kiến của bà N và người đại diện hợp pháp của bà N tại phiên tòa sơ thẩm không được ghi nhận trong bản án sơ thẩm: Việc bà N đi nước ngoài để thực hiện đề tài cấp Bộ không phải là hành vi có thể bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc; bà N không có các hành vi vi phạm kỷ luật viên chức nên bị đơn không có cơ sở xử lý kỷ luật viên chức bằng hình thức buộc thôi việc theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định 27/2012/NĐ-CP.

Về trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật: Nguyên đơn xác định bị đơn không có căn cứ xác định hành vi vi phạm của nguyên đơn. Kết luận 1125/KL-ĐHL ngày 12/12/2019 không phải là căn cứ xác định hành vi vi phạm kỷ luật viên chức và được xem là một văn bản ban hành để giải quyết tố cáo. Những nội dung trong kết luận này đã kết luận hoàn toàn sai về các hành vi vi phạm kỷ luật (nếu có). Ngoài Kết luận số 1125/KL-ĐHL, Trường L1 không có bất cứ tài liệu, chứng cứ gì khác chứng minh bà N có hành vi vi phạm kỷ luật lao động là trái với quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 27/2012/NĐ-CP; Quyết định về việc xử lý kỷ luật, việc tổ chức họp kiểm điểm tại Khoa K1, các Hội đồng kỷ luật có sai phạm trong việc tiến hành họp xử lý kỷ luật, không phù hợp và trái với quy định tại khoản 2 Điều 7, Điều 15, khoản 1 Điều 17, điểm a khoản 1 Điều 18 Nghị định 27.

Về thẩm quyền xử lý kỷ luật: Ông Trần Hoàng H là Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường L1, chức vụ không được quy định bởi các văn bản quy phạm pháp luật; Quy chế tổ chức và hoạt động được ban hành kèm theo Quyết định 849/QĐ-ĐHL.TPHCM ngày 27/5/2015 nên ông Hải không có quyền xử lý kỷ luật bà N.

Về thời hạn xử lý kỷ luật: Theo Kết luận 1125/KL-ĐHL ngày 12/12/2019 cho rằng bà N tự ý nghỉ việc và đi nước ngoài không xin phép, lần vi phạm cuối cùng (nếu có) là ngày 25/9/2019 và Trường L1 đã biết được hành vi này (nếu có) vào ngày 17/10/2019 theo Công văn 6646 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Thực tế, Trường L1 tiến hành xử lý kỷ luật bà N trong khoảng thời gian hơn 7 tháng (từ ngày 17/10/2019 đến ngày 18/5/2020) là vượt quá thời gian quy định tại Điều 8 Nghị định 27/2012/NĐ-CP.

Trước và sau khi Trường L1 ban hành các Quyết định 378 và 379 cùng ngày 18/5/2020, Trường L1 đã có những hành vi vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc xử lý kỷ luật được quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định 27/2012/NĐ-CP, Điều 38 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà N đã bị xâm phạm đối với quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; bị thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại nên Trường L1 phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 584, Điều 592 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Mục 3 Phần 2 Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006. Do đó, bà N yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án lao động sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn Trường Đại học L1 do bà Trần Thị Thu H, ông Đoàn Xuân Q và bà Nguyễn Thị Ái L đại diện theo ủy quyền không đồng ý toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên các ý kiến người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và xác định Trường L1 đã ban hành các Quyết định số 378/QĐ-ĐHL và 379/QĐ-ĐHL cùng ngày 18/5/2020 đối với bà Lê Thị Ánh N đúng quy định của pháp luật. Những lời trình bày của bà N trong bản ý kiến về việc kháng cáo hoàn toàn sai sự thật. Bà N cho rằng bà "bị chèn ép, đến nỗi phải nộp đơn xin thôi giữ chức vụ Trưởng bộ môn B1 của Khoa K1 vào tháng 6 năm 2016" nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Trong khi đó, ngày 17/12/2015, bà N đã có Đơn xin thôi giữ chức vụ Trưởng bộ môn B1 gửi đến Ban giám hiệu, Lãnh đạo Phòng Hành chính – Tổng hợp và Lãnh đạo Khoa K1 Trường Đại học L1. Trong đơn, bà N trình bày nguyện vọng cá nhân về việc "được thôi giữ chức vụ Trưởng bộ môn B1" vì lý do sức khỏe. Bà N nêu rõ bản thân bị bệnh thoát vị đĩa đệm

nhiều đốt sống cổ (có hồ sơ MRI trong tài liệu đính kèm đơn) nên mong muốn được giảm khối lượng công việc đang đảm nhiệm để thu xếp thời gian chữa bệnh. Đồng thời, bà N đã thừa nhận: "Tôi vô cùng cảm kích sự tín nhiệm và giúp đỡ của Ban Giám hiệu và Lãnh đạo Nhà trường trong suốt 15 năm công tác tại trường". Sau khi xem xét nguyện vọng cá nhân của bà N, Trường L1 đã ban hành Quyết định số 23/QĐ-ĐHL ngày 21/01/2016 về việc thôi chức vụ Trưởng bộ môn B1 đối với bà N. Trường L1 khẳng định không hề chèn ép, gây khó khăn hay bắt buộc bà N phải làm đơn xin thôi giữ chức vụ.

Trong quá trình công tác, bà N nhiều lần vi phạm các quy định về thời giờ làm việc, chế độ báo cáo và các quy định về nghĩa vụ, trách nhiệm của viên chức đối với Trường L1. Trường L1 ban hành Quyết định kỷ luật buộc thôi việc và đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc đối với bà N là có căn cứ, đúng quy định, căn cứ vào các cơ sở pháp lý sau đây:

Căn cứ ban hành quyết định kỷ luật buộc thôi việc và đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc: Dựa trên Đơn tố cáo, Đơn phản ánh ngày 24/7/2019 của công dân về các vi phạm của bà Lê Thị Ánh N, Hiệu trưởng Trường L1 đã ra Quyết định thụ lý tố cáo số 949/QĐ-ĐHL ngày 20/8/2019. Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ đã được xác minh làm rõ, ngày 12/12/2019, Hiệu trưởng đã ban hành Kết luận nội dung tố cáo số 1125/KL-ĐHL đối với bà Lê Thị Ánh N, kết luận này xác định hai nội dung tố cáo bà N là đúng.

Về nội dung tố cáo 1: Bà Lê Thị Ánh N đã có 03 hành vi vi phạm: Không tham dự Đại hội công nhân viên chức năm 2018, vi phạm khoản 3 Điều 17 Luật Viên chức năm 2010 và khoản 2 Điều 11 Nghị định 27/2012/NĐ-CP về xử lý kỷ luật viên chức; Bỏ lớp giảng không báo cáo người có thẩm quyền dẫn đến không có người thay thế, tuy nhiên thuộc trường hợp khách quan, bất khả kháng; Bỏ chấm thi tốt nghiệp lớp LTTK2 và 5CB2. Đây là hành vi "*bỏ làm việc*" theo Quyết định 858/QĐ-ĐHL ngày 22/4/2014, vi phạm khoản 1 Điều 19 Luật Viên chức năm 2010, vi phạm khoản 2 Điều 11 Nghị định 27/2012. Tài liệu chứng minh cho 03 hành vi vi phạm đã được Nhà trường cung cấp cho Tòa án, được trình bày tại cấp sơ thẩm và được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ.

Về nội dung tố cáo 2: Tố cáo bà Lê Thị Ánh N tự ý nghỉ việc, ra nước ngoài không xin phép, vi phạm Điều 13 Nghị định 27/2012/NĐ-CP. Qua xác minh làm rõ: Từ năm 2015-2019 bà N có 16 lần xuất cảnh, 17 lần nhập cảnh theo Công văn số 6646 ngày 17/10/2019 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh. Trong số những lần đó, bà N có 03 lần báo cáo về việc đi nước ngoài, 14 lần không báo cáo. Cụ thể như sau: 03 lần báo cáo, xin phép, bao gồm: Từ ngày

13/01/2015 đến ngày 18/01/2015 (Quyết định số 2816/QĐ-ĐHL ngày 31/12/2014 về việc cử giảng viên đi công tác tại Nhật Bản từ 14/01/2015 - 18/01/2015); từ 12/9/2016 đến 11/7/2017 (Đơn xin nghỉ không hưởng lương ngày 02/8/2016 của bà N; Quyết định số 1786/QĐ-ĐHL ngày 30/8/2016 của Hiệu trưởng Mai Hồng Quỳ đồng ý cho bà N nghỉ việc không hưởng lương theo nguyện vọng cá nhân từ 01/9/2016 đến hết ngày 30/6/2017); từ ngày 25/9/2019 đến ngày 29/9/2019 (Đơn xin phép đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn ngày 19/9/2019 của bà N); 14 lần không báo cáo. Chứng cứ về việc bà N đi nước ngoài không xin phép: Công văn số 6646/QLXNC - TMTH về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17/10/2019 (bút lục số 254); Văn bản của Khoa K1 gửi Phòng Thanh tra - L1 ngày 18/10/2019, ngày 21/10/2019 (Bút lục số 350); Công văn số 944/ĐHL-HCTH ngày 22/10/2019 của Phòng Hành chính - Tổng hợp gửi Đoàn xác minh về việc trả lời xác minh thông tin nghỉ phép để ra nước ngoài của bà Lê Thị Ánh N (Bút lục số 207, 208); Kết luận số 1125/KL-ĐHL ngày 12/12/2019 (trang 10, 11, 12, 13). Số ngày bà N đi nước ngoài không xin phép không trùng lịch nghỉ không hưởng lương, không trùng lịch nghỉ hè, nghỉ lễ, nghỉ hàng năm trong hai năm 2018 và 2019 là 104 ngày, mà trùng với các cuộc họp khoa và lịch công tác của Nhà trường trong năm 2018 và 2019 là 06 ngày (cụ thể: Trùng Hội nghị công chức, viên chức và người lao động: 01 ngày (25/10/2018), trùng chấm thi tốt nghiệp lớp LTTK2 (26/10/2018): 01 ngày, trùng họp Khoa K1 ngày 01/11/2018: 01 ngày, trùng họp Khoa K1 ngày 08/01/2019: 01 ngày, trùng họp Khoa K1 ngày 12/6/2019: 01 ngày, trùng họp Khoa K1 ngày 16/7/2019: 01 ngày). Bà N đã đi nước ngoài không báo cáo, không xin phép trong thời gian làm việc của giảng viên, đã vi phạm khoản 1 Điều 4 Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giảng viên; khoản 1 Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 844/QĐ-ĐHL ngày 24/5/2013 và khoản 1 Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 900/QĐ-ĐHL ngày 12/7/2018 của Trường L1; Điều 3, Điều 4, khoản 2 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 844/QĐ-ĐHL ngày 24/5/2013; khoản 1, 2 Điều 4, Điều 5, điểm b khoản 2 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 900/QĐ-ĐHL ngày 12/7/2018 của Trường L1. Theo đó, thời gian nghỉ của viên chức ngạch giảng viên gồm: Nghỉ phép năm, nghỉ hè, nghỉ tết, nghỉ trong trường hợp giảng viên có nhu cầu chính đáng, nghỉ lễ, nghỉ việc riêng, nghỉ ốm, nghỉ thai sản, nghỉ không hưởng lương, nghỉ đột xuất. Như vậy, ngoài các thời gian nghỉ thuộc các trường hợp nêu trên, thời gian còn lại

được xem là thời gian làm việc. Việc nghỉ của giảng viên phải xin phép lãnh đạo đơn vị. Tại Hợp đồng làm việc năm 2011, bà N xác định địa điểm làm việc tại Trường Đại học L1. Khoản 11 Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định 858/QĐ-ĐHL ngày 22/4/2014 xác định hành vi "bỏ làm việc" là "không đến nơi làm việc". Việc bà N vắng mặt không xin phép là hành vi "Tự ý nghỉ việc từ 20 ngày làm việc trở lên trong một năm mà không có lý do chính đáng" vi phạm khoản 5 Điều 13 Nghị định 27/2012 về xử lý kỷ luật viên chức.

Về khái niệm ngày giảng viên: Hiện nay, không có quy định của pháp luật về khái niệm "ngày giảng viên". Kết luận số 1125/KL-ĐHL ngày 12/12/2019 sử dụng cụm từ "ngày giảng viên" với ý nghĩa: Ngày là ngày làm việc mà bà N vắng mặt, giảng viên là vị trí công tác tương ứng. Đó là số ngày làm việc bà N đã vắng mặt trên cương vị giảng viên của Trường Đại học L1. Trường L1 không sáng tạo, cũng không sử dụng cụm từ "ngày giảng viên" như một khái niệm mới. Bản án sơ thẩm dùng cụm từ "ngày giảng viên" ở trang 21 là ghi nhận lại thông tin từ Kết luận số 1125/KL-ĐHL ngày 12/12/2019.

Về trình tự, thủ tục kỷ luật buộc thôi việc và đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc: Trường L1 xác định đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật buộc thôi việc và đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc với bà Lê Thị Ánh N theo quy định của pháp luật.

Về thời hạn xử lý kỷ luật: Trường L1 xác định thời điểm phát hiện hành vi vi phạm của bà N là ngày 12/12/2019, tức ngày ra kết luận nội dung tố cáo đối với bà N. Căn cứ khoản 1 Điều 36 và khoản 1 Điều 44 Luật Tố cáo năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Do vụ việc có tình tiết phức tạp, cần có thời gian thanh tra, kiểm tra để làm rõ nên Hiệu trưởng Trường L1 đã ban hành Quyết định 153/QĐ-ĐHL ngày 16/01/2020 kéo dài thời hạn kỷ luật bà N cho đến khi đủ 4 tháng kể từ khi phát hiện hành vi vi phạm theo Kết luận 1125/KL-ĐHL. Như vậy, thời hạn xử lý kỷ luật bà N theo quy định sẽ được tính từ ngày 12/12/2019 đến ngày 12/4/2020. Ngày 18/5/2020, Trường L1 ban hành Quyết định số 378/QĐ-ĐHL về việc kỷ luật viên chức đối với bà N. Thời gian thực tế Trường L1 tiến hành xử lý kỷ luật bà N so với thời hạn xử lý kỷ luật theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP bị quá 01 tháng 06 ngày. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 5 và khoản 4 Điều 3 Nghị định 27/2012/NĐ-CP, thời gian quá hạn này thuộc các trường hợp chưa xem xét kỷ luật nên không tính vào thời hạn xử lý kỷ luật, bao gồm: Thời gian bà N nghỉ hưởng bảo hiểm xã hội 30 ngày và thời gian nghỉ Tết Nguyên đán năm 2020 là 17 ngày theo Thông báo số 1075 ngày 27/11/2019 của Nhà trường. Trong đó: Từ ngày 14/01/2020 đến hết ngày 20/01/2020, bà N nghỉ 07 ngày (do bị thoát vị đĩa đệm C3C4 - C4C5 -

C5C6 - C6C7 và rối loạn tiền đình, rối loạn giấc ngủ), được thể hiện tại Vi bằng số 788/2022/VB-TPLSG lập ngày 25/8/2022 (trang 8, 9); Ngày 07/4/2022, Hội đồng kỷ luật đã họp để tư vấn về việc áp dụng hình thức kỷ luật đối với bà N. Tuy nhiên, từ ngày 08/4/2022 đến ngày 08/5/2022, bà N nghỉ ốm để hưởng bảo hiểm xã hội liên tục, cụ thể: Từ ngày 08/4/2020 đến hết ngày 10/4/2020 nghỉ 03 ngày (do bị nhiễm siêu vi, rối loạn tiền đình) được thể hiện tại Vi bằng số 786/2022/VB-TPLSG lập ngày 25/8/2022 (trang 28, 29); từ 13/4/2020 đến hết ngày 17/4/2020 nghỉ 05 ngày (do rối loạn lo âu, rối loạn giấc ngủ, thoái hóa cột sống cổ), được thể hiện tại Vi bằng số 786/2022/VB-TPLSG lập ngày 25/8/2022 (trang 31, 32); từ ngày 20/4/2020 đến hết ngày 24/4/2020 nghỉ 05 ngày (do thoái hóa cột sống cổ, rối loạn tiền đình, rối loạn giấc ngủ, rối loạn lo âu), được thể hiện tại Vi bằng số 786/2022/VB-TPLSG lập ngày 25/8/2022 (trang 42, 43); từ ngày 27/4/2020 đến hết ngày 01/5/2020 nghỉ 05 ngày (do rối loạn tiền đình, rối loạn giấc ngủ, rối loạn lo âu), được thể hiện tại Vi bằng số 786/2022/VB-TPLSG lập ngày 25/8/2022 (trang 58, 59); từ ngày 04/5/2020 đến hết ngày 08/5/2020 nghỉ 05 ngày (do viêm mũi dị ứng, rối loạn tiền đình, rối loạn giấc ngủ, rối loạn lo âu). Tổng thời gian nghỉ không tính vào thời hạn xử lý kỷ luật là 47 ngày (01 tháng 17 ngày). Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 18 Nghị định 27/2012/NĐ-CP, viên chức có thể vắng mặt hai lần với lý do chính đáng, đến lần thứ ba sau khi gửi giấy triệu tập nếu vẫn vắng mặt thì Hội đồng kỷ luật vẫn họp xem xét và kiến nghị hình thức kỷ luật. Trên thực tế, Trường L1 đã áp dụng đúng quy định nói trên. Tuy nhiên, cả hai lần xin vắng mặt dẫn đến Hội đồng kỷ luật phải hoãn họp, bà N đều trình bày lý do mà không có minh chứng kèm theo. Lần thứ nhất vắng họp vì phải làm việc với Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng không gửi bất kỳ tài liệu nào để chứng minh có lịch làm việc. Lần thứ hai vắng họp vì chung cư bà N đang ở có ca F1 tiếp xúc với ca dương tính từ ổ dịch quán Bar Buhdan và bản thân bà N cảm thấy đau họng, khó thở nhưng bà N không cung cấp được tài liệu cụ thể nào về tình trạng của chung cư lúc bấy giờ và chung cư Millennium bà N tự nhận đang sinh sống không trùng khớp với thông tin về nơi thường trú, tạm trú mà bà N khai trong hồ sơ lý lịch viên chức, cũng như khai báo về nơi cư trú với Tòa án. Bản thân bà N cũng từng phát biểu trong cuộc họp Khoa K1 ngày 27/02/2020: Vắng mặt có lý do chính đáng là phải có minh chứng (phải có giấy xác nhận của bệnh viện, bảo hiểm xã hội…). Vì vậy, Trường L1 ra quyết định xử lý kỷ luật vào ngày 18/5/2020 là còn trong thời hạn luật định.

Về thẩm quyền xử lý kỷ luật: Quyết định xử lý kỷ luật bà N do Hiệu trưởng Trường Đại học L1 ban hành, người ký thay là Phó Hiệu trưởng phụ trách, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 14, Điều 19 Nghị định

27/2012/NĐ-CP, Quyết định 607/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định 533/QĐ-ĐHL ngày 19/4/2018 quy định phân công công tác của Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường Đại học L1.

Về các hành vi vi phạm làm căn cứ xử lý kỷ luật: Thứ nhất, về hành vi không thực hiện chấm thi tốt nghiệp theo phân công. Bà Lê Thị Ánh N bỏ chấm thi tốt nghiệp hai lần, hai lớp, tại hai thời điểm khác nhau: Lần 1 vào 10/2018 và lần 2 vào 4/2019, đây là hai hành vi độc lập và nằm trong thời hiệu xử lý kỷ luật. Với hai hành vi này, Hội đồng kỷ luật kiến nghị áp dụng khoản 3 Điều 10 Nghị định 27/2012/NĐ-CP; hình thức xử lý kỷ luật khiển trách với mỗi vi phạm. Thứ hai, về hành vi vi phạm kỷ luật lao động cơ quan đơn vị và mức độ nghiêm trọng: Hành vi không tham dự các cuộc họp khoa nhiều lần (3/6 buổi năm 2019; 5/8 buổi năm 2018), lý do được bà N báo đều không thuộc lý do chính đáng. Thực tế, có 4/8 cuộc họp vắng mặt là do bà N đi nước ngoài không xin phép. Theo quy định việc vắng họp chỉ được chấp nhận khi có lý do chính đáng, nếu nghỉ đột xuất phải báo ngay sau đó kèm theo các minh chứng hợp lý. Tuy nhiên, bà N đã không tuân thủ các quy định. Tại Trường L1 nhiều năm qua, việc đi nước ngoài không báo cáo, vắng họp nhiều lần như bà N là chưa từng có. Lý do vắng họp không rõ ràng, thiếu minh chứng và khai báo không trung thực đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến kỷ luật của Khoa K1 nói riêng và Trường L1 nói chung. Vì thế, mức độ vi phạm được kết luận là "nghiêm trọng", hình thức xử lý kỷ luật là cảnh cáo theo khoản 11 Điều 11 Nghị định 27/2012/NĐ-CP. Ngoài ra, bà N còn có hành vi không tham dự họp Hội nghị công chức, viên chức và người lao động cũng không có lý do chính đáng mặc dù đã được quy định trong quy chế và được thông báo. Các hành vi nêu trên vi phạm khoản 3 Điều 16 Luật Viên chức là "Có ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp; thực hiện đúng các quy định, nội quy, quy chế làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập". Theo Thông tư 47/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường L1, việc họp khoa, họp tổ bộ môn hay tham gia các hoạt động khác ngoài công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học là nghĩa vụ của giảng viên được quy định thành chế độ làm việc của giảng viên tại Quyết định 844 và 900/QĐ-ĐHL, các hoạt động này thuộc về "các nhiệm vụ khác" của giảng viên. Theo khoản 1 Điều 4 Nghị định 27/2012/NĐ-CP quy định hành vi "Vi phạm việc thực hiện nghĩa vụ của viên chức quy định tại Luật viên chức" là một trong những nhóm hành vi bị xử lý kỷ luật. Thứ ba, về hành vi tự ý nghỉ việc: Trong năm 2018 và 2019, bà N nhiều lần đi nước ngoài không xin phép trong thời gian làm việc, cụ thể là 14 lần với số ngày ở nước ngoài tự ý nghỉ việc trong năm

2018 là 48 ngày và năm 2019 là 56 ngày. Hành vi của bà N đã vi phạm khoản 5 Điều 13 Nghị định 27/2012, hình thức kỷ luật hình thức buộc thôi việc.

Như vậy, bà Lê Thị Ánh N không chứng minh được việc vắng mặt trong Hội nghị cán bộ công nhân viên chức, hai buổi chấm thi tốt nghiệp, vắng mặt các buổi họp khoa, vắng mặt tại 14 lần đi nước ngoài là thuộc trường hợp có xin phép, được chấp thuận, thuộc trường hợp rơi vào các ngày nghỉ.

Ý kiến của bị đơn về các nội dung kháng cáo của nguyên đơn nêu tại Đơn kháng cáo bổ sung ngày 30/5/2022: Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ tranh chấp là "tranh chấp về lao động" là đúng quy định của pháp luật. Tại mục 2.1 trang 7 Đơn khởi kiện, nguyên đơn cũng yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về lao động. Bà N cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận không đúng, không đầy đủ ý kiến của nguyên đơn. Bị đơn cho rằng Tòa án sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định về việc ghi ý kiến tại Biên bản phiên tòa, được nhận định tại các trang 5, 6 của Bản án sơ thẩm. Nguyên đơn có quyền xem Biên bản phiên tòa nhưng nguyên đơn đã không thực hiện quyền này vì vậy yêu cầu kháng cáo này của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập và đánh giá tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có liệt kê một số tài liệu cho rằng những tài liệu này không được liệt kê trong Biên bản công khai chứng cứ ngày 25/5/2021 và 25/02/2022. Tuy nhiên, những tài liệu do nguyên đơn liệt kê nêu trên được Tòa án thu thập sau khi đã mở phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa ngày 05/5/2022 tạm ngừng để Tòa án thu thập và các bên cung cấp bổ sung thêm chứng cứ vì vậy Tòa án không lập Biên bản tiếp cận, công khai chứng cứ theo thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, có những văn bản chỉ thu thập được trong thời gian tạm ngừng phiên tòa như văn bản số 195 ngày 06/5/2022 của Phòng Lao động Thương binh và Xã hội Quận Q3. Sau khi thu thập được, Tòa án đã công bố công khai tại phiên tòa, nguyên đơn đã được tiếp cận, sao chụp nghiên cứu đối với các tài liệu này, xác nhận không bổ sung thêm tài liệu tại phiên tòa ngày 12/5/2022. Tài liệu chứng minh nguyên đơn đã được tiếp cận, sao chụp, nghiên cứu đối với Biên bản họp Hội đồng xử lý kỷ luật được thể hiện tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã đưa ra các câu hỏi liên quan đến Biên bản họp xử lý kỷ luật ngày 15/5/2020 như: Thành phần tham dự không đúng quy định, không có chữ ký của tất cả các thành viên dự họp... Mặt khác, tại đoạn cuối trang 5 của Bản án sơ thẩm thể hiện lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, phân tích nội dung Biên bản họp xử lý kỷ luật ngày 15/5/2020. Điều này chứng tỏ nguyên đơn đã được tiếp

cận, sao chụp đối với biên bản này cũng như các tài liệu, chứng cứ khác. Về hình thức Biên bản họp xử lý kỷ luật viên chức: Nguyên đơn viện dẫn khoản 3 Điều 10 Nghị định 05/2015, cho rằng biên bản phải có đầy đủ chữ ký của thành viên tham gia dự họp. Bị đơn cho rằng nguyên đơn đã đề nghị áp dụng sai pháp luật, viện dẫn sai văn bản pháp luật cần điều chỉnh. Trong vụ việc này, Trường L1 họp xử lý kỷ luật bà N theo Luật Viên chức, không áp dụng Nghị định 05/2015 về xử lý kỷ luật lao động. Theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 18 Nghị định 27/2012/NĐ-CP, Biên bản họp xử lý kỷ luật viên chức chỉ cần có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng và Thư ký. Do đó, lời trình bày của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Trường L1 đã chứng minh được các hành vi vi phạm kỷ luật của nguyên đơn, đã tổ chức xử lý kỷ luật theo đúng trình tự luật định nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 02/2022/LĐ-ST ngày 16/5/2022 của Tòa án nhân dân Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn gồm các Luật sư Bùi Quốc T, Trần Thị Mỹ N, Đặng Thành T phát biểu ý kiến tranh luận:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như: Biên bản nghị án kết thúc lúc 15 giờ 20 phút ngày 16/5/2022 nhưng Biên bản phiên tòa lại kết thúc lúc 17 giờ 30 phút ngày 16/5/2022. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành hai Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 03/2021/QĐST-LĐ ngày 19/4/2021 và số 11/2021/QĐST-LĐ ngày 19/8/2021, bà N không nhận trực tiếp hai quyết định tạm đình chỉ nêu trên nhưng Biên bản tống đạt thể hiện bà N đã ký nhận trực tiếp và có sự tẩy xóa, đã làm mất đi quyền kháng cáo của nguyên đơn đối với hai quyết định tạm đình chỉ này. Sau khi biết được Quyết định giải quyết tố cáo 1125/KL-ĐHL ngày 12/12/2019, bà N có khiếu nại lên Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn đã thừa nhận có nhận được đơn khiếu nại của bà N do Bộ Giáo dục và Đào tạo chuyển về Trường L1 giải quyết theo thẩm quyền nhưng chưa giải quyết khiếu nại mà Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng tất cả nội dung giải quyết tố cáo này vào bản án sơ thẩm. Ngoài ra, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn cung cấp toàn bộ chứng cứ làm cơ sở giải quyết vụ án nhưng bị đơn không cung cấp đầy đủ và Tòa án cấp sơ thẩm không đánh giá khách quan về nghĩa vụ chứng minh của Trường L1 theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự; không xem xét một cách thấu

đáo, toàn diện và khách quan các tình tiết, chứng cứ có trong vụ án, dẫn đến việc ban hành một bản án sai và thiếu công bằng.

Về nội dung: Căn cứ Điều 1.14 Luật Giáo dục đại học 2018 sửa đổi Điều 20 Luật giáo dục đại học 2012, Quyết định số 607/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2018 về công tác nhân sự của Trường L1, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường L1 ban hành kèm theo Quyết định 849/QĐ-ĐHL ngày 27/5/2015, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường L1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐTĐHL ngày 07/12/2020 của Hội đồng Trường L1, Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 11/12/2020 về công tác cán bộ của Trường L1 thì ông Trần Hoàng H không phải là Hiệu trưởng Trường L1 và không phải là người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập. Do đó, Quyết định xử lý kỷ luật 378/QĐ-ĐHL và Quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc 379/QĐ-ĐHL cùng ngày 18/5/2020 bị vô hiệu hoàn toàn do sai phạm về mặt hình thức và nội dung. Việc khuyết vị trí Hiệu trưởng của Trường L1 là thiếu sót của Trường và Trường phải gánh chịu những hậu quả pháp lý từ việc khiếm khuyết này. Ngoài ra, Trường L1 không có nội quy lao động theo quy định của pháp luật lao động nên có sự tùy tiện trong việc xử lý kỷ luật lao động đối với bà N.

Về thẩm quyền xử lý kỷ luật buộc thôi việc: Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường L1 ban hành kèm theo Quyết định số 849/QĐ-ĐHL ngày 27/5/2015 của Hiệu trưởng Trường L1 thì Hội đồng trường là cơ quan cao nhất của trường, ông Trần Hoàng H không phải là người nhân danh Hội đồng trường. Quyết định số 533/QĐ-ĐHL ngày 19/4/2018 có phân công nhiệm vụ ông Trần Hoàng H nhưng ông Hải không phải là Hiệu trưởng. Thời điểm ban hành Quyết định số 533/QĐ-ĐHL không có ai giữ chức danh Hiệu trưởng Trường L1 nên quyết định này bị vô hiệu. Do đó, Quyết định số 378/QĐ-ĐHL và Quyết định 379/QĐ-ĐHL cùng ngày 18/5/2020 bị vô hiệu do không được ký bởi người có thẩm quyền và căn cứ vào một văn bản vô hiệu để ban hành.

Về trình tự xử lý kỷ luật đối với bà N có nhiều sai phạm: Thông báo số 1188/TB-ĐHL ngày 27/12/2019 về việc xử lý kỷ luật bà N chỉ thể hiện các bước tiến hành quy trình xử lý kỷ luật mà không có những nội dung thể hiện thời điểm bà N có hành vi vi phạm pháp luật, thời điểm phát hiện bà N có hành vi vi phạm pháp luật và thời hạn xử lý kỷ luật là vi phạm quy định tại Điều 7.2 Nghị định 27/2012/NĐ-CP. Cuộc họp ngày 27/02/2020 không được xem là họp khoa mà là họp kiểm điểm viên chức, được tổ chức không đúng theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định 27/2012/NĐ-CP nên không thể làm căn cứ hợp lệ để xem xét xử lý kỷ luật bà N. Cuộc họp kiểm điểm của đơn vị sự nghiệp công lập quản lý viên chức có hành vi vi phạm

pháp luật được tổ chức với thành phần dự họp là đại diện lãnh đạo chính quyền, cấp ủy và công đoàn của đơn vị. Tuy nhiên, biên bản họp kiểm điểm ngày 27/02/2020 thể hiện thành phần viên chức có 23 người tham dự, vắng mặt 13 người, không có đại diện lãnh đạo chính quyền, không có đại diện cấp ủy, đại diện công đoàn của Trường L1. Đối với việc họp lại của Hội đồng kỷ luật ngày 15/5/2020: Cuộc họp được tổ chức trên cơ sở đề nghị họp lại của ông Trần Hoàng H và thực tế bà N không tham gia cuộc họp này; không có quy định pháp luật nào quy định về việc phải tổ chức lại cuộc họp xử lý kỷ luật lao động, nếu cuộc họp lần 1 không bị hủy bỏ. Trường L1 phải triệu tập họp lệ bà N 03 lần mà bà N vẫn vắng mặt thì mới được họp lại lần 2. Nhận thấy, Trường L1 tổ chức cuộc họp lần 2 để "xem xét toàn diện, khách quan, công bằng các hành vi và đánh giá lại một cách hợp lý, khách quan tổng thể các hành vi vi phạm cũng như mức độ vi phạm" nhưng không hủy bỏ cuộc họp xử lý kỷ luật lao động lần 1 là không đúng và không thể hiện được Biên bản của cuộc họp nào sẽ được áp dụng để xử lý kỷ luật lao động. Thành phần họp Hội đồng kỷ luật ngày 15/5/2020 không đủ số lượng thành viên tham dự vì trên biên bản không có chữ ký xác nhận của tất cả thành viên Hội đồng kỷ luật và không có bất kỳ chứng cứ nào chứng minh sự có mặt của những thành viên còn lại ngoài thư ký và chủ tọa cuộc họp. Ngoài ra, Trường L1 ban hành Quyết định số 378/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2020 đã vượt quá thời hạn xử lý kỷ luật. Nghị định số 27/2012/NĐ-CP không quy định về việc phải giải quyết tố cáo xong mới được xử lý kỷ luật lao động đối với viên chức. Căn cứ Điều 8, khoản 5 Điều 13 Nghị định 27/2012/NĐ-CP, có cơ sở xác định giả định ngày muộn nhất mà Trường L1 phát hiện hành vi vi phạm của bà N phải là ngày 24/7/2019 chứ không phải ngày 12/12/2019. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hạn xử lý kỷ luật bà N được tính từ ngày ngày Trường L1 ban hành kết luật giải quyết tố cáo 12/12/2019 là không đúng.

Trong thời gian công tác, bà N đã hoàn thành nghĩa vụ giảng dạy theo thỏa thuận trong hợp đồng làm việc, quy định của pháp luật, quy chế nội bộ của Trường L1, không vi phạm hợp đồng làm việc và không vi phạm Điều 4.1, Điều 10.3, Điều 11.1, Điều 13.5 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP. Thời gian đi nước ngoài của bà N từ năm 2017 đến năm 2019 do Trường L1 phân công, chấp thuận thông qua việc phê duyệt cho bà N làm chủ nhiệm đề tài cấp Bộ. Các khoảng thời gian Trường L1 đưa ra để chứng minh bà N tự ý nghỉ việc và ra nước ngoài không xin phép tại mục "Nội dung tố cáo thứ 2" của Kết luận số 1125/KL-ĐHL ngày 12/12/2019 là vi phạm Điều 13 Nghị định 27/2012/NĐ-CP. Bà N không tự ý ra nước ngoài không xin phép cơ quan vào các thời điểm

tháng 4/2018; tháng 10/2018; từ 30/12/2018 đến 19/01/2019; từ ngày 07/6/2019 đến 19/6/2019 vì có thời gian trong kết luận này trùng với thời gian bà N xin nghỉ việc không hưởng lương và thực hiện việc nghiên cứu khoa học, đã được Trường và bà N thỏa thuận tại Biên bản thỏa thuận ngày 30/8/2016 và được Nhà trường công nhận bằng việc ban hành Quyết định số 1786/QĐ-ĐHL ngày 30/8/2016, khoảng thời gian thực hiện đề tài được xem là thời gian làm việc của bà N và bà N đã được sự cho phép của Trường L1 về việc ra nước ngoài nghiên cứu khoa học, nên không thể bị xem là "tự ý nghỉ việc và ra nước ngoài không xin phép cơ quan". Quyết định 844/QĐ-ĐHL và Quyết định 900/QĐ-ĐHL cũng không có quy định nào về khái niệm "Ngày giảng viên". Do đó, khái niệm "Ngày giảng viên" là căn cứ xác định bà N có tự ý nghỉ việc và có nghỉ việc đủ số ngày theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định 27/2012/NĐ-CP. Trường hợp giữa cơ sở giáo dục và giảng viên không có bất kỳ văn bản nào quy định về thời giờ làm việc cụ thể của giảng viên là theo ngày, từ giờ nào đến giờ nào thì giảng viên có thể thực hiện thời giờ làm việc linh hoạt theo lịch giảng và điều này không trái với bất cứ quy định nào của pháp luật cũng như không vi phạm quy chế của cơ sở giáo dục. Đối với quyết định kỷ luật buộc thôi việc với lý do giảng viên tự ý nghỉ việc không có lý do chính đáng chỉ vì giảng viên vắng mặt tại cơ sở giáo dục vào những ngày không có lịch giảng là áp dụng sai quy định của pháp luật về xử lý kỷ luật đối với viên chức. Trong quá trình giải quyết xử lý kỷ luật viên chức, Trường L1 đã có nhiều sai phạm ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín và gây tổn thất về tinh thần của bà N. Trường đã tự ý giao cơ quan Thừa phát lại xuống tận nhà riêng của cha mẹ ruột bà N để tống đạt các văn bản, quyết định của Trường cho bà N. Việc ban hành Quyết định kỷ luật buộc thôi việc và Quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc của Trường L1 đã trực tiếp xâm phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của bà Lê Thị Ánh N.

Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần Bản án lao động sơ thẩm số 02/2022/LĐST ngày 16/5/2022 của Tòa án nhân dân Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nêu ra những vi phạm tố tụng trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án làm cơ sở Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 48, 286, 290, 292, 294 của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử phúc thẩm theo quy định tại các Điều 51, 64, 294, 297, 298, 301, 303, 304, 305 của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, Tòa án nhân dân Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh chưa tiến hành đối chiếu bản chính các tài liệu, chứng cứ mà bị đơn giao nộp (tài liệu chỉ là các bản phô tô đóng dấu treo của Trường Đại học L1) là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, vi phạm này đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khắc phục và đã tiến hành đối chiếu đầy đủ trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm trong việc ban hành Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 03/2021/QĐST-LĐ ngày 19/4/2021. Theo đó, lý do tạm đình chỉ là cần đợi Trường Đại học L1 cung cấp tài liệu, chứng cứ là không đúng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 214 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng xét thấy hậu quả vi phạm đã được khắc phục, cụ thể: Tòa án nhân dân Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 194/2021/QĐST-LĐ ngày 04/5/2021. Xét thấy, các vi phạm nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm đã được khắc phục ở cấp phúc thẩm nên không cần thiết phải hủy bản án lao động sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị vi phạm tố tụng trong việc xét xử sơ thẩm vụ án nêu trên đến Chánh án Tòa án nhân dân Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh để rút kinh nghiệm.

Đối với các ý kiến của nguyên đơn và Luật sư Bùi Quốc T là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc không công khai các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đặc biệt các tài liệu, chứng cứ được sử dụng trong bản án lao động sơ thẩm; Biên bản nghị án ngày 16/5/2022 của Tòa án nhân dân Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh có vi phạm về thời gian nghị án kết thúc trước thời gian ghi trong Biên bản phiên tòa là không có cơ sở.

Về nội dung vụ án: Căn cứ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa; xét thấy bà Lê Thị Ánh N là viên chức có hành vi vi phạm kỷ luật thuộc trường hợp bị áp dụng hình thức kỷ luật buộc thôi việc theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ. Do đó, Trường Đại học L1 đã ban hành Quyết định số 378/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2020 về việc kỷ luật buộc thôi việc và Quyết định số 379/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2020 về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc đối với bà N là phù hợp quy định pháp luật nên việc bà N yêu cầu hủy các quyết định nêu trên là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, các yêu cầu khởi kiện còn lại của bà N cũng không có cơ sở để chấp nhận. Bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp theo quy định của pháp luật nên việc bà N kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa một phần bản án lao động sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 02/2022/LĐST ngày 16/5/2022 của Tòa án nhân dân Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Ánh N thực hiện trong thời hạn luật định nên được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

[1.2] Việc xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp của Tòa án cấp sơ thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 18/5/2020, Trường Đại học L1 (sau đây gọi tắt là Trường L1) ban hành Quyết định số 378/QĐ-ĐHL về việc kỷ luật buộc thôi việc và Quyết định số 379/QĐ-ĐHL về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc đối với bà Lê Thị Ánh N. Đến ngày 05/11/2020, bà N nộp đơn khởi kiện Trường L1 tại Tòa án nhân dân Quận Q3, Thành phố Hồ Chí

Minh. Căn cứ Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012, việc khởi kiện của nguyên đơn vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện nên được chấp nhận.

[1.4] Ngày 23/8/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án trên theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4102/2022/QĐ-PT ngày 27/7/2022. Đến ngày 25/8/2022, bà Lê Thị Ánh N nộp đơn yêu cầu Công ty C2 cử Luật sư Đặng Thành T làm người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, nguyên đơn, những người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, những người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã được Tòa án cấp phúc thẩm cho tiếp cận toàn bộ hồ sơ vụ án, được sao chụp các tài liệu, chứng cứ đã liệt kê tại các Đơn xin sao chụp tài liệu, chứng cứ. Đồng thời, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn, các Luật sư Bùi Quốc T, Trần Thị Mỹ N, Đặng Thành T đã được ghi chép các văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng như: Bài phát biểu của Kiểm sát viên, biên bản nghị án, biên bản phiên tòa, bản án gốc, bản án chính, các biên bản tống đạt của Tòa án cấp sơ thẩm. Tuy nhiên, bà N và ông T không đồng ý và làm Đơn khiếu nại. Xét thấy, việc khiếu nại của bà N và ông T sau khi Tòa án đã mở phiên tòa xét xử phúc thẩm nên khiếu nại này thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng xét xử phúc thẩm. Căn cứ Điều 76, khoản 2 Điều 109 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận Đơn khiếu nại ngày 26/8/2022 của ông Đặng Thành T và khiếu nại ngày 21/9/2022 của bà Lê Thị Ánh N.

[1.5] Về khiếu nại của nguyên đơn bà Lê Thị Ánh N cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã cố tình làm sai lệch hồ sơ vụ án: Như nhận định tại mục [1.4] của bản án lao động phúc thẩm, khiếu nại này của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng xét xử phúc thẩm và sẽ được xem xét trong phần nội dung của bản án phúc thẩm này.

[1.6] Ngày 08/9/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Đơn khiếu nại của bà Lê Thị Ánh N do không nhận được các Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 03/2021/QĐST-LĐ ngày 19/4/2021 và số 11/2021/QĐST-LĐ ngày 19/8/2021 của Toà án nhân dân Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân Quận Q3 giải đáp lý do nguyên đơn không nhận được các quyết định tạm đình chỉ và gửi cho bà N các quyết định nêu trên trong thời hạn 03 ngày làm việc, chậm nhất là ngày 13/9/2022. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà N khiếu nại sau khi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử phúc thẩm nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng xét xử phúc thẩm. Các Quyết

định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 03/2021/QĐST-LĐ ngày 19/4/2021 và số 11/2021/QĐST-LĐ ngày 19/8/2021 đã được Tòa án cấp sơ thẩm tống đạt hợp lệ cho nguyên đơn bà Lê Thị Ánh N, người đại diện theo ủy quyền của bà N, người đại diện theo ủy quyền của Trường L1 trong quá trình giải quyết vụ án. Sau khi nhận các quyết định tạm đình chỉ nêu trên, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân các cấp không kháng nghị. Ở giai đoạn xét xử phúc thẩm, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn, tất cả người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã được Tòa án cấp phúc thẩm cho tiếp cận toàn bộ hồ sơ vụ án, trong đó có các Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 03/2021/QĐST-LĐ ngày 19/4/2021 và số 11/2021/QĐST-LĐ ngày 19/8/2021, được ghi chép, sao chụp các tài liệu, chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận các đề nghị của bà N đã nêu tại Đơn khiếu nại ngày 08/9/2022.

[1.7] Đối với các yêu cầu của bà Lê Thị Ánh N nêu tại Đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm thu thập tài liệu, chứng cứ đề ngày 19/8/2022 và 14/9/2022: Căn cứ điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 91, Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu bị đơn Trường L1 và nguyên đơn bà Lê Thị Ánh N cung cấp tài liệu, chứng cứ cần thiết, có liên quan đến các nội dung tranh chấp, làm cơ sở giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, để làm rõ hơn nội dung kháng cáo và các ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử đã yêu cầu người kháng cáo là bà Lê Thị Ánh N, bị đơn Trường L1 cung cấp bổ sung các tài liệu, chứng cứ làm cơ sở giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ này đã được Tòa án cấp phúc thẩm cho các đương sự và những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tiếp cận, thực hiện ghi chép, sao chụp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và công khai đầy đủ tại phiên tòa phúc thẩm. Đối với những tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến việc bà N tiếp cận, nghiên cứu tài liệu ở nước ngoài, liên quan đến cá nhân của bà N trong thời gian công tác tại Trường L1 không liên quan đến việc giải quyết các tranh chấp trong vụ án này, Hội đồng xét xử không tiến hành thu thập chứng cứ và không yêu cầu bị đơn cung cấp tất cả các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của bà N.

[1.8] Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn - Luật sư Lạc Thị Tú D đã được Tòa án cấp phúc thẩm tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tham gia phiên tòa ngày 23/9/2022 nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Luật sư D.

[1.9] Nguyên đơn bà Lê Thị Ánh N kháng cáo cho rằng Tòa án nhân dân Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc không công khai tài liệu, chứng cứ, đặc biệt các tài liệu chứng cứ sử dụng trong bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 143/2021/QĐ-CCTLCC ngày 07/5/2021, Trường L1 đã giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại trang 20 của Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 12/5/2022 thể hiện nội dung: "Chủ tọa công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và Công văn số 195/LĐTBXH ngày 06/5/2020 của Phòng Lao động - Thương Binh và Xã hội Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh". Do vậy, việc bà Lê Thị Ánh N kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không công khai các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có cơ sở.

[1.10] Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - Luật sư Bùi Quốc T cho rằng: Biên bản nghị án ngày 16/5/2022 của Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm về thời gian nghị án kết thúc trước thời gian ghi trong Biên bản phiên tòa là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử xét thấy: Biên bản phiên tòa ngày 16/5/2022 thể hiện vào lúc 14 giờ 00 phút, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiếp tục phiên tòa, đến phần phát biểu của Kiểm sát viên, sau đó Hội đồng xét xử tiến hành nghị án và tuyên án. Biên bản nghị án thể hiện thời gian nghị án từ lúc 14 giờ 40 phút đến 15 giờ 20 phút; còn Biên bản phiên tòa thể hiện phiên tòa kết thúc lúc 17 giờ 30 phút là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 236 và khoản 3 Điều 264 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên ý kiến này của Luật sư T là không có cơ sở.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Ánh N:

[2.1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự xác nhận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện: Từ ngày 01/11/2001, bà Lê Thị Ánh N đã có thời gian công tác tại Trường Đại học L1. Ngày 21/11/2011, bà N ký Hợp đồng làm việc số 164/2011/ĐHL-HĐLV với Trường L1, loại hợp đồng không xác định thời hạn, từ ngày 01/11/2011, với chức danh chuyên môn: Giảng viên, ngạch: 15.111, bậc lương: 3, hệ số 3.00 (mức lương và hệ số sẽ thay đổi theo Quyết định nâng lương, nâng ngạch của Hiệu trưởng), phụ cấp theo quy định của Nhà nước. Trong thời gian làm việc tại Trường L1, bà Lê Thị Ánh N có sử dụng các thư điện tử (Email): E2, E3 và E4 để liên lạc với Trường L1 và các bộ phận liên quan. Trong quá trình xét xử phúc thẩm, bị đơn đã cung cấp các Vi bằng từ số 786/2022/VB-TPLSG đến số 793/2022/VB-TPLSG do Văn phòng Thừa phát lại S1 lập cùng ngày 25/8/2022 thể hiện nội dung các Email trao đổi

giữa bà N với Trường L1 và các bộ phận liên quan trong thời gian bà N công tác tại Trường L1 làm cơ sở giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu hủy các Quyết định số 378/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2020 về việc kỷ luật buộc thôi việc và Quyết định số 379/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2020 về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc của Trường Đại học L1 đối với bà Lê Thị Ánh N (sau đây gọi tắt là Quyết định số 378/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2020 và Quyết định số 379/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2020).

[2.2.1] Căn cứ ban hành các Quyết định số 378/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2020 và Quyết định số 379/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2020.

Căn cứ Đơn tố cáo, Đơn phản ánh ngày 24/7/2019 của công dân về các vi phạm của bà Lê Thị Ánh N. Ngày 20/8/2019, Trường L1 ban hành Quyết định số 949/QĐ-ĐHL về việc thụ lý giải quyết tố cáo đối với bà N. Ngày 06/9/2019, Trường L1 ban hành Thông báo số 769/TB-ĐHL về nội dung tố cáo và phản ánh cho bà N biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của người bị tố cáo theo quy định của pháp luật. Ngày 19/9/2019, Trường L1 ban hành Quyết định số 1072/QĐ-ĐHL về việc gia hạn giải quyết tố cáo lần 1. Ngày 31/10/2019, Trường L1 ban hành Quyết định số 1218/QĐ-ĐHL về việc gia hạn giải quyết tố cáo lần 2. Ngày 12/12/2019, Trường L1 ban hành Kết luận nội dung tố cáo số 1125/KL-ĐHL đối với bà Lê Thị Ánh N có nội dung như sau:

"1. Nội dung tố cáo bà Lê Thị Ánh N không chấp hành kỷ luật hành chính của cơ quan vi phạm Điều 17 Luật Viên chức, Điều 11 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP (không chấp hành sự phân công của người có thẩm quyền) và các hành vi này được lặp lại có hệ thống là đúng bởi:

- Việc bà Lê Thị Ánh N đã không tham dự Hội nghị là vi phạm khoản 3 Điều 17 Luật Viên chức số 58/2010/QH12 về nghĩa vụ chung của viên chức và khoản 2 Điều 11 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012. Nội dung tố cáo này là đúng.

- Việc bà Lê Thị Ánh N bỏ giảng 02 lớp CLC41B và lớp 10AB2 như nội dung người tố cáo nêu là đúng. Tuy nhiên, đây là trường hợp khách quan, bất khả kháng của bà N và được pháp luật cho phép.

- Việc bà Lê Thị Ánh N không đến chấm thi được coi là bỏ việc làm theo quy định tại khoản 11 Điều 3 Quyết định 858/QĐ-ĐHL ngày 22/5/2014 và vi phạm khoản 1 Điều 19 của Luật Viên chức về những điều viên chức không được làm ("tự ý bỏ việc"), vi phạm khoản 2 Điều 11 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP. Qua đó kết luận việc bà Lê Thị Ánh N nhiều lần tự ý bỏ thi tốt nghiệp như người tố cáo nêu là đúng và có cơ sở.

2. Việc bà Lê Thị Ánh N tự ý nghỉ việc và ra nước ngoài không xin phép cơ quan vi phạm Điều 13 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ, cụ thể bà N tự ý ra nước ngoài không xin phép cơ quan vào các thời điểm: tháng 4/2018; tháng 10/2018; từ 30/12/2018 - 19/01/2019; từ 07/6/2019 tới 19/6/2019" là tố cáo đúng.

Bởi vì bà Lê Thị Ánh N không chỉ xuất nhập cảnh không xin phép trong thời gian trên mà bà N còn nhiều lần xuất nhập cảnh không xin phép cơ quan chủ quản. Đây là hành vi vi phạm pháp luật nhiều lần, có hệ thống với 14 lần nghỉ việc và ra nước ngoài không xin phép…"

Hội đồng xét xử xét thấy, Trường L1 đã căn cứ vào Kết luận nội dung tố cáo số 1125/KL-ĐHL ngày 12/12/2019 để xem xét xử lý kỷ luật đối với bà Lê Thị Ánh N là có cơ sở. Do đó, Kết luận nội dung tố cáo số 1125/KL-ĐHL ngày 12/12/2019 được xác định là một trong những cơ sở pháp lý để Trường Đại học L1 ban hành các Quyết định số 378/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2020 về việc kỷ luật buộc thôi việc và Quyết định số 379/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2020 về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc đối với bà Lê Thị Ánh N.

[2.2.2] Xét các hành vi vi phạm của bà Lê Thị Ánh N làm căn cứ để Trường L1 ban hành các Quyết định số 378/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2020 và Quyết định số 379/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2020.

[2.2.2.1] Xét hành vi không tham dự Hội nghị công chức, viên chức và người lao động năm học 2018 – 2019 của bà Lê Thị Ánh N.

Căn cứ Kế hoạch số 678/KH-ĐHL ngày 31/8/2018 về việc tổ chức Hội nghị công chức, viên chức và người lao động năm học 2018 - 2019; Quyết định số 1090/QĐ-ĐHL ngày 31/8/2018 về việc thành lập Ban tổ chức Hội nghị công chức, viên chức và người lao động năm học 2018 - 2019; Danh sách tham dự Hội nghị công chức, viên chức và người lao động và Thư triệu tập số 860/TTT-ĐHL ngày 23/10/2018 đã được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử (website) của Trường L1: http://hcmulaw.edu.vn tại lịch công tác tuần 11 (từ ngày 22 đến ngày 28/10/2019), Thông báo về việc tham dự Hội nghị công chức, viên chức và người lao động đến địa chỉ Email của từng cá nhân có tên trong danh sách tham dự Hội nghị, trong đó có bà Lê Thị Ánh N. Theo nội dung các văn bản này, Hội nghị công chức, viên chức và người lao động của Trường L1 được tổ chức hàng năm vào ngày 25/10/2018. Tuy nhiên, bà N vắng mặt không lý do, được ghi nhận tại Công văn ngày 15/11/2019 của Phòng Hành chính - Tổng hợp Trường Đại học L1. Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi tự ý vắng mặt, không rõ lý do của bà N tại Hội nghị công chức, viên chức, người lao động năm

2018 được xác định là "Không chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền mà không có lý do chính đáng, gây ảnh hưởng đến công việc chung của đơn vị", vi phạm điểm b khoản 4 Điều 51 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 900/QĐ-ĐHL ngày 12/7/2018 của Trường L1 về chế độ làm việc đối với công chức, viên chức giữ ngạch giảng viên quy định chế độ hội họp; vi phạm khoản 3 Điều 16 Luật Viên chức quy định nghĩa vụ chung của viên chức và khoản 2 Điều 11 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012.

[2.2.2.2] Xét hành vi không thực hiện nhiệm vụ chấm thi tốt nghiệp theo phân công của bà Lê Thị Ánh N.

Căn cứ Quyết định số 1429/QĐ-ĐHL ngày 26/10/2018 về việc thành lập Ban chấm thi kỳ thi tốt nghiệp Đại học L1 hệ vừa làm vừa học các lớp: Bộ Tư Lệnh K1, Công an K9, Công đoàn K7, Lý Tự Trọng K2, Khóa 4C VB2, Quận 5 VB2K7, Bình Dương VB2K7, Lý Tự Trọng VB2K4, Quận 5 K6 và Tây Ninh K9; Quyết định số 506/QĐ-ĐHL ngày 02/4/2019 về việc thành lập Ban chấm thi kỳ thi tốt nghiệp Đại học L1 hệ vừa làm vừa học các lớp: Khóa 18 Đường Đ4, Khóa 19 Bình Triệu, Khóa 10 Công an, Khóa 8 Công Đoàn và Khóa 5C Bằng 2 của Chủ tịch Hội đồng thi tốt nghiệp Trường Đại học L1, trong đó có tên bà Lê Thị Ánh N với tư cách là Ủy viên đã được Trường L1 gửi hợp lệ đến bà N qua địa chỉ Email cá nhân E1. Tuy nhiên, bà N không thực hiện nhiệm vụ, vắng mặt, bỏ chấm thi tốt nghiệp hai lần, hai lớp, tại hai thời điểm khác nhau không có lý do chính đáng, được thể hiện tại Biên bản ghi nhận vụ việc do Khoa K1 Trường Đại học L1 lập ngày 26/10/2018 và Vi bằng số 789/2022/VB-TPLSG do Văn phòng Thừa phát lại S1 lập ngày 25/8/2022. Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi trên của bà N đã vi phạm khoản 3 Điều 17, khoản 1 Điều 19 Luật Viên chức, khoản 2 Điều 11 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP, bị xem là "tự ý bỏ làm việc", không chấp hành "theo sự phân công của đơn vị và theo chức trách của giảng viên" được quy định tại Điều 1, Điều 2 của Hợp đồng làm việc số 164/2011/ĐHL-HĐLV ngày 21/11/2011 giữa bà Lê Thị Ánh N và Trường Đại học L1, gây ảnh hưởng đến công việc chung của Trường L1.

[2.2.2.3] Xét hành vi tự ý đi nước ngoài các năm 2018 và 2019 của bà Lê Thị Ánh N.

Căn cứ văn bản số 6646/QLXNC-TMTH ngày 17/10/2019 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an Thành phố Hồ Chí Minh và xác nhận của Khoa K1 Trường L1 đã được thể hiện tại Kết luận số 1125/KL-ĐHL ngày 12/12/2019, bà Lê Thị Ánh N đã tự ý vắng mặt trong cuộc họp khoa trùng với lịch xuất cảnh, cụ thể như sau:

+ 24 ngày giảng viên, kể từ ngày 02/10/2018 đến ngày 03/11/2018.

+ 14 ngày giảng viên, kể từ ngày 30/12/2018 đến ngày 19/01/2019.

+ 09 ngày giảng viên, kể từ ngày 07/6/2019 đến ngày 19/6/2019.

+ 10 ngày giảng viên, kể từ ngày 05/7/2019 đến ngày 18/7/2019.

Ngoài ra, bà N còn tự ý xuất cảnh vào nhiều thời gian khác nhau trong năm 2018 và 2019, mặc dù không trùng với lịch họp Khoa K1 của Trường L1 nhưng không báo cáo, không xin phép, cụ thể như sau:

+ 05 ngày giảng viên, kể từ ngày 18/01/2018 đến ngày 24/01/2018.

+ 19 ngày giảng viên, kể từ ngày 06/02/2018 đến ngày 03/3/2018.

+ 05 ngày giảng viên, kể từ ngày 22/6/2019 đến ngày 29/6/2019.

+ 11 ngày giảng viên, kể từ ngày 23/7/2019 đến ngày 06/8/2019.

+ 07 ngày giảng viên, kể từ ngày 19/8/2019 đến ngày 27/8/2019.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N xác nhận thời gian đã xuất nhập cảnh đúng nội dung của Kết luận số 1125/KL-ĐHL ngày 12/12/2019. Tuy nhiên, bà N cho rằng trong khoảng thời gian từ tháng 01/2017 đến tháng 12/2018, bà xuất cảnh là để thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Bộ năm 2017 với tên đề tài "Pháp luật và thực tiễn về cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với quốc gia nước sở tại theo UNCITRAL và ICSID: Kinh nghiệm đối với Việt Nam trong bối cảnh thực hiện Hiệp định TPP". Bà N có cung cấp Biên bản họp Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ; Công văn số 684/ĐHL-NCKH ngày 22/8/2019 của Trường Đại học L1 về việc đề nghị thành lập Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Bộ đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ; Hợp đồng triển khai đề tài Khoa học & Công nghệ cấp Bộ năm 2017 số B17.03/HĐ-ĐHL ngày 18/9/2017; Quyết định số 1508/QĐ-BGDĐT ngày 28/4/2017 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; thuyết minh đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Bộ năm 2017; các Dự toán chi tiết; Biên bản thỏa thuận ngày 08/8/2016.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà N và những người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà N cho rằng: Trường L1 thu thập thông tin cá nhân của bà N tại Cục Quản lý Xuất nhập cảnh và Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an Thành phố Hồ Chí Minh là trái với quy định của pháp luật. Trước khi Trường L1 gửi công văn cho các cơ quan quản lý về xuất nhập cảnh, bà N xuất nhập cảnh không bị ngăn cấm bởi bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào, bà không ký bất kỳ thoả thuận nào về nghĩa vụ công khai thông tin đời sống cá nhân, bí mật cá nhân, thông tin

xuất nhập cảnh với Trường L1 và Nhà trường không có bất kỳ tài liệu, văn bản nào đề nghị bà cung cấp thông tin xuất nhập cảnh. Căn cứ khoản 1 Điều 21 Hiến pháp năm 2013, Điều 38 Bộ luật Dân sự năm 2015, điểm d khoản 1 Điều 5 Luật Xuất cảnh, Nhập cảnh năm 2019, khoản 2 Điều 7 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, Điều 5 Nghị định 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, Điều 6 Nghị định 77/2020/NĐ-CP ngày 01/7/2020 quy định việc quản lý, khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh, Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì công văn số 6646/QLXNC-TMTH ngày 17/10/2019 do Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thông tin cá nhân của bà N cho Trường L1 không phải là chứng cứ hợp lệ để Tòa án sử dụng giải quyết vụ án. Đồng thời, bà N xác định đây là quyền tự do đi lại của cá nhân nên Trường L1 không có quyền can thiệp và không được quyền dựa vào cơ sở này để xử lý kỷ luật lao động đối với bà. Trường L1 đã có hành vi vu khống bà N tự ý nghỉ việc cộng dồn 48 ngày trong năm 2018 và 59 ngày trong năm 2019.

Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 24/7/2019, Trường L1 nhận được Đơn tố cáo đối với bà N, trong đó có nội dung tố cáo bà N tự ý nghỉ việc, ra nước ngoài không xin phép. Mặc dù giữa bà N và Trường L1 không ký bất kỳ thỏa thuận nào về nghĩa vụ công khai thông tin đời sống cá nhân, bí mật cá nhân, thông tin xuất nhập cảnh của bà, tuy nhiên, để có cơ sở giải quyết nội dung tố cáo việc bà N tự ý nghỉ việc, ra nước ngoài không xin phép, căn cứ khoản 2 Điều 28, Điều 31 Luật Tố cáo, Trường L1 có nghĩa vụ phải xác minh nội dung tố cáo đối với bà N tại các cơ quan quản lý về xuất nhập cảnh. Ngày 18/9/2019 và ngày 15/10/2019, Trường L1 gửi công văn số 833/ĐHL-TTr và công văn số 925/ĐHL-TTr đến các cơ quan quản lý về xuất nhập cảnh về việc hỗ trợ, xác minh cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của công dân đối với bà N, là phù hợp. Điều 6 Luật Tố cáo quy định trách nhiệm phối hợp của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc giải quyết tố cáo như sau: "Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với người giải quyết tố cáo; cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung tố cáo theo quy định của pháp luật…". Ngày 17/10/2019, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an Thành phố Hồ Chí Minh có công văn số 6646/QLXNC-TMTH cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của bà N cho Trường L1 là đúng quy định của pháp luật. Xét thấy, bà N được giao thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ. Tuy nhiên, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường L1 không có một văn bản nào cho phép bà N được quyền xuất cảnh bất kể thời gian nào mà không cần thông báo hoặc xin phép Trường L1. Bà N được quyền tự do

đi lại của cá nhân nhưng trong khoảng thời gian bà N xuất cảnh, giữa bà N và Trường L1 vẫn còn tồn tại Hợp đồng làm việc số 164/2011/ĐHL-HĐLV ngày 21/11/2011, bà N vẫn là viên chức thuộc sự quản lý của Trường L1. Hành vi tự ý nghỉ việc của bà N để xuất cảnh ra nước ngoài tổng cộng là 48 ngày trong năm 2018 và 56 ngày trong năm 2019, trong đó có những ngày trùng với lịch họp khoa, trùng với lịch làm việc theo sự phân công của đơn vị, chưa được sự đồng ý của lãnh đạo Trường L1 nên được xác định là hành vi "bỏ làm việc", đã vi phạm khoản 1 Điều 4 Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; khoản 1 Điều 2, Điều 3, Điều 4, khoản 2 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 844/QĐ-ĐHL ngày 24/5/2013; khoản 11 Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định 858/QĐ-ĐHL ngày 22/4/2014 và khoản 1 Điều 3, khoản 1 và 2 Điều 4, Điều 5, điểm b khoản 2 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 900/QĐ-ĐHL ngày 12/7/2018 của Trường L1; Hợp đồng làm việc số 164/2011/ĐHL-HĐLV ngày 21/11/2011 hai bên đã ký kết và vi phạm khoản 5 Điều 13 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012.

[2.2.3] Thời điểm Trường L1 phát hiện hành vi vi phạm pháp luật của bà Lê Thị Ánh N.

Mặc dù Trường L1 nhận được Đơn tố cáo, Đơn phản ánh của công dân đối với bà Lê Thị Ánh N từ ngày 24/7/2019. Tuy nhiên, Trường L1 cần phải tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ có liên quan đến các nội dung tố cáo. Đến ngày 12/12/2019, Trường L1 mới đủ cơ sở kết luận những nội dung tố cáo bà N. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 36, Điều 40 và Điều 44 Luật Tố cáo, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định thời điểm Trường L1 phát hiện hành vi vi phạm pháp luật của bà N là ngày 12/12/2019, làm cơ sở xác định thời hạn xử lý kỷ luật bà N theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012.

[2.2.4] Thời hạn xử lý kỷ luật đối với bà Lê Thị Ánh N.

Căn cứ Kết luận nội dung tố cáo số 1125/KL-ĐHL, Trường L1 ban hành Thông báo số 1188/TB-ĐHL ngày 27/12/2019 về việc xử lý kỷ luật đối với bà Lê Thị Ánh N và Công văn số 1189/ĐHL-HCTH ủy quyền cho lãnh đạo Khoa K1 tổ chức họp đơn vị kiểm điểm đối với bà N. Căn cứ các Vi bằng số 786, 787, 788/2022/VB-TPLSG do Văn phòng Thừa phát lại S1 lập cùng ngày 25/8/2022, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Ngày 14/01/2020, Khoa K1 đã tổ chức phiên họp kiểm điểm bà N. Tuy nhiên, bà N xin vắng mặt có chứng nhận nghỉ hưởng bảo hiểm xã hội. Ngày 16/01/2020, Trường L1 ban hành Quyết định số 153/QĐ-ĐHL kéo dài thời hạn xử lý kỷ luật đối với bà N đủ 04 tháng kể từ ngày phát hiện viên chức có hành vi vi phạm pháp luật. Ngày 20/3/2020, Trường L1

ban hành Quyết định số 251/QĐ-ĐHL về việc thành lập Hội đồng xử lý kỷ luật bà N. Ngày 27/02/2020, Khoa K1 tổ chức phiên họp kiểm điểm bà N. Ngày 25/3/2020, Hội đồng xử lý kỷ luật tổ chức họp Hội đồng lần 1, bà N xin hoãn do có cuộc họp với Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngày 31/3/2020, Hội đồng xử lý kỷ luật tổ chức họp Hội đồng lần 2, bà N xin hoãn vì bị đau họng, chung cư nơi bà cư trú có ca F1. Ngày 07/4/2020, Hội đồng xử lý kỷ luật tổ chức họp Hội đồng lần 3. Ngày 15/5/2020, Hội đồng xử lý kỷ luật tiến hành họp lại việc xử lý kỷ luật đối với bà N. Ngày 18/5/2020, Trường L1 ban hành các Quyết định số 378/QĐ-ĐHL kỷ luật buộc thôi việc và Quyết định số 379/QĐ-ĐHL đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc với bà Lê Thị Ánh N. Như vậy, thời gian thực tế Trường L1 xử lý kỷ luật bà N là 05 tháng 06 ngày, vượt quá 01 tháng 06 ngày so với thời hạn được quy định tại Điều 8 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP. Tuy nhiên, khoảng thời gian vượt quá này được trừ vào thời gian Trường L1 nghỉ Tết Canh Tý năm 2020; nghỉ Lễ Ngày Chiến thắng (30/4) và Ngày Quốc tế lao động (01/5) năm 2020; thời gian bà N nghỉ hưởng bảo hiểm xã hội; thời gian bà N xin hoãn buổi họp xử lý kỷ luật; thời gian bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định khoảng thời gian 53 ngày không tính vào thời hạn xử lý kỷ luật đối với bà N là phù hợp nên có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định Trường L1 đã tiến hành xử lý kỷ luật lao động đối với bà Lê Thị Ánh N đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại Điều 53 của Luật Viên chức và Điều 8 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012.

[2.2.5] Về trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định số 378/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2020 và Quyết định số 379/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2020.

Trên cơ sở Kết luận số 1125/KL-ĐHL ngày 12/12/2019, Trường L1 đã công bố nội dung giải quyết đơn tố cáo đối với bà N vào ngày 20/12/2019. Đến ngày 27/12/2019, Trường L1 ban hành Quyết định số 1512/QĐ-ĐHL về việc thành lập Hội đồng kỷ luật bà N; Thông báo số 1188/TB-ĐHL về việc xử lý kỷ luật lao động đối với bà N và công văn số 1189/ĐHL-HCTH ủy quyền cho lãnh đạo Khoa K1 tổ chức họp kiểm điểm đối với bà N. Tuy Thông báo số 1188/TB-ĐHL ngày 27/12/2019 của Trường L1 không nêu rõ thời điểm viên chức có hành vi vi phạm pháp luật, thời điểm phát hiện viên chức có hành vi vi phạm pháp luật cũng như thời hạn xử lý kỷ luật nhưng không làm thay đổi hay ảnh hưởng đến bản chất của vụ việc nên Thông báo số 1188/TB-ĐHL ngày 27/12/2019 được xác định là cơ sở để ban hành các Quyết định số 378/QĐ-ĐHL và Quyết định số 379/QĐ-ĐHL cùng ngày 18/5/2020.

Ngày 16/01/2020, Trường L1 ban hành Quyết định số 153/QĐ-ĐHL về việc kéo dài thời hạn kỷ luật bà N.

Ngày 27/02/2020, Khoa K1 đã tiến hành họp lấy ý kiến về hình thức xử lý kỷ luật đối với bà N. Xét thấy, Biên bản họp Khoa K1 ngày 27/02/2020 về việc lấy ý kiến hình thức xử lý kỷ luật đối với bà N có sự tham gia của 23 người và vắng mặt 13 người, trong đó có 07 người vắng mặt không có lý do, đạt tỷ lệ 76,67%, đã đảm bảo ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Thành phần tham dự cuộc họp đã có sự tham gia của ông Trần Việt D, ông Ngô Hữu P là đại diện lãnh đạo chính quyền, ông Phan Hoài N là đại diện cấp ủy, bà Phạm Thị H đại diện công đoàn đơn vị và bà Lê Thị Ánh N là viên chức có hành vi vi phạm. Kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp ngày 27/02/2020 thể hiện: Tổng số phiếu đề nghị áp dụng hình thức kỷ luật buộc thôi việc đối với bà N là 17/22, đạt tỷ lệ 77,27%. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP; khoản 3 Điều 11 Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường L1 ban hành kèm theo Quyết định số 849/QĐ-ĐHL ngày 27/5/2015, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định kết luận của cuộc họp Khoa K1 ngày 27/02/2020 là hợp lệ nên có hiệu lực pháp luật.

Ngày 28/02/2020, Trường L1 ban hành Quyết định số 217/QĐ-ĐHL về việc thành lập Hội đồng kỷ luật bà N. Ngày 20/3/2020, Trường L1 ban hành Quyết định số 251/QĐ-ĐHL về việc thành lập Hội đồng kỷ luật bà N, thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 217/QĐ-ĐHL ngày 28/02/2020.

Căn cứ các Vi bằng số 786, 787, 788/2022/VB-TPLSG do Văn phòng Thừa phát lại S1 lập cùng ngày 25/8/2022 thể hiện quy trình tổ chức họp kỷ luật đối với bà N là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Ngày 07/4/2020, Hội đồng kỷ luật viên chức đã tiến hành họp kỷ luật đối với bà N. Chủ tịch Hội đồng kỷ luật gửi công văn kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật đối với bà N là buộc thôi việc (5/5 phiếu, tỷ lệ 100%) theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012. Tuy nhiên, để đảm bảo xem xét toàn diện, khách quan, công bằng các hành vi và đánh giá lại một cách hợp lý, khách quan tổng thể các hành vi vi phạm cũng như mức độ vi phạm, Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường L1 ban hành Công văn số 411/ĐHL-HCTH ngày 12/5/2020 về việc đề nghị họp lại Hội đồng kỷ luật để xem xét lại toàn bộ vụ việc. Vi bằng số 786/2022/VB-TPLSG ngày 25/8/2022 do Văn phòng Thừa phát lại T2 lập thể hiện: Ngày 12/5/2020, Trường L1 đã gửi Email Thư mời số 413/TM-ĐHL ngày 12/5/2020 mời bà N đến tham dự cuộc họp Hội đồng kỷ luật vào lúc 14 giờ ngày 15/5/2020, nêu lý do phải tổ chức họp lại. Tuy nhiên, bà N vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, việc Hội đồng kỷ luật tiến hành họp lại để xem xét và đưa ra kiến nghị hình thức kỷ luật đối với bà N không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức của xã hội; mục đích của việc họp lại Hội đồng kỷ luật nhằm đảm bảo nguyên tắc khách quan, công bằng, nghiêm minh, đúng pháp luật trong

xử lý kỷ luật viên chức. Ngày 15/5/2020, Chủ tịch Hội đồng kỷ luật gửi công văn kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật đối với bà N là buộc thôi việc (5/5 phiếu, tỷ lệ 100%) theo quy định tại khoản 3 Điều 16, khoản 3 Điều 17, khoản 1 Điều 19 Luật Viên chức, khoản 1 Điều 4, khoản 3 Điều 10, khoản 11 Điều 11, khoản 5 Điều 13 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012. Ngày 18/5/2020, Trường Đại học L1 ban hành Quyết định số 378/QĐ-ĐHL về việc kỷ luật viên chức đối với bà N. Ngày 18/5/2020, Trường Đại học L1 ban hành Quyết định số 379/QĐ-ĐHL về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc đối với bà N. Như vậy, Trường L1 đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động đối với bà Lê Thị Ánh N theo quy định tại Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức.

[2.2.6] Thẩm quyền ban hành Quyết định số 378/QĐ-ĐHL và Quyết định số 379/QĐ-ĐHL cùng ngày 18/5/2020.

Căn cứ Quyết định số 607/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác nhân sự của Trường Đại học L1. Theo đó, ông Trần Hoàng H được phân công phụ trách Trường Đại học L1 cho đến khi có Quyết định của Bộ trưởng về nhân sự Hiệu trưởng Trường Đại học L1; Thông báo số 82/TB-BGDĐT ngày 01/3/2018 về việc công tác nhân sự, Trường L1 đã ban hành Quyết định số 533/QĐ-ĐHL ngày 19/4/2018 về việc ban hành kèm theo Quy định phân công công tác, ủy quyền ký hợp đồng, thanh lý hợp đồng và ký duyệt chi của Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường Đại học L1 đối với các Phó Hiệu trưởng; Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 11/12/2020 của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 về công tác cán bộ của Trường Đại học L1 thì ông Trần Hoàng H - Phó Hiệu trưởng được phân công công tác là Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường Đại học L1 cho đến khi có Quyết định về nhân sự Hiệu trưởng Trường Đại học L1. Do đó, ông Trần Hoàng H có đủ thẩm quyền thay mặt Hiệu trưởng Trường Đại học L1 ký ban hành Quyết định số 378/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2020 và Quyết định số 379/QĐ-ĐHL cùng ngày 18/5/2020 đối với bà Lê Thị Ánh N.

[2.3] Xét ý kiến của bà Lê Thị Ánh N trình bày tại Đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2020; Đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 04/02/2021 và các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án về việc ngày 11/6/2020 và ngày 25/6/2020, Trường L1 yêu cầu Thừa phát lại S3 "tống đạt" các công văn của Trường L1 đến nhà ba mẹ của bà N tại địa chỉ: 5/10/10C Đường Đ1, Khu phố K2, phường P2, quận Q4, Thành phố Hồ Chí Minh và thuê người quay phim, chụp hình ba mẹ bà và nhà ba mẹ bà mà không thông báo và không được sự

đồng ý là trái pháp luật. Đây là hành vi cố tình xâm phạm quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình theo Điều 38 Bộ luật Dân sự 2015. Đồng thời, hành vi này đã xâm phạm danh dự, nhân phẩm của viên chức trong quá trình xử lý kỷ luật, vi phạm Điều 3 của Nghị định 27/2012/NĐ-CP. Hội đồng xét xử xét thấy: Khi bà N ký các hợp đồng làm việc với Trường L1, bà N cung cấp địa chỉ của bà là 449/64/5A đường Đ6, Phường P4, quận Q6, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ ngày 21/3/2012, bà N đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 15 Tầng 4 (sau) B1, phường P1, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, trong quá trình làm việc, bà N có cung cấp địa chỉ liên lạc của bà tại Căn hộ C1 chung cư P2, số 280/29 đường Đ7, Phường P5, quận Q7, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, ngày 11/9/2019, bà N xác định bà không có chỗ ở ổn định, được thể hiện tại Vi bằng số 791/2022/VB-TPLSG do Văn phòng Thừa phát lại T2 lập ngày 25/8/2022. Sau khi Trường L1 ban hành các Quyết định số 378/QĐ-ĐHL và 379/QĐ-ĐHL, đến ngày 20/5/2020, bà N gửi Đơn khiếu nại việc bà bị Trường Đại học L1 buộc thôi việc trái pháp luật đến Thủ tướng Chính phủ P và Phó Thủ tướng thường trực T. Trong đơn khiếu nại này, bà N cung cấp địa chỉ liên hệ tại "5/10/10C Đường Đ1 Khu phố K2, Phường P2 Quận Q4 TPHCM". Ngày 30/5/2020, Văn phòng Chính phủ ban hành văn bản số 4296/VPCP-V.I chuyển đơn của bà N đến Hiệu trưởng Trường Đại học L1 để xem xét, giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền, quy định của pháp luật và đề nghị thông báo cho Văn phòng Chính phủ biết kết quả giải quyết. Như vậy, từ ngày 19/5/2020, bà N không còn làm việc tại Trường L1. Căn cứ địa chỉ liên hệ bà N đã nêu tại Đơn khiếu nại ngày 20/5/2020 gửi Thủ tướng và Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ; thực hiện yêu cầu của Văn phòng Chính phủ, Trường L1 đã gửi các công văn số 557/CV-ĐHL ngày 11/6/2020 và số 620/CV-ĐHL ngày 25/6/2020 (có sự chứng kiến, lập Vi bằng ghi nhận sự việc của Thừa phát lại S3) đến địa chỉ liên hệ: "5/10/10C Đường Đ1 Khu phố K2, Phường P2 Quận Q4 TPHCM" do chính bà N cung cấp là không trái quy định của pháp luật. Do đó, bà N cho rằng Trường L1 đã có hành vi cố tình xâm phạm quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình bà và xâm phạm danh dự, nhân phẩm của viên chức trong quá trình xử lý kỷ luật là không có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 23/9/2022, bà N xác định địa chỉ liên lạc hiện nay của bà tại: 5/10/10C Đường Đ1, Khu phố K2, phường P2, thành phố P1, Thành phố Hồ Chí Minh, làm cơ sở để Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tống đạt bản án phúc thẩm cho bà N theo quy định của pháp luật.

[2.4] Xét các yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc buộc Trường Đại học L1: Phải nhận bà Lê Thị Ánh N trở lại làm việc theo hợp đồng đã ký kết;

thanh toán tiền lương trong những ngày không được làm việc, tạm tính từ 18/5/2020 đến ngày 18/5/2022 với số tiền 350.017.944 đồng; tiếp tục đóng tiền bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định hiện hành, tạm tính từ 18/5/2020 đến ngày 18/5/2022 tương ứng với số tiền 77.003.948 đồng; bồi thường khoản tiền tương đương 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật với số tiền là 29.168.162 đồng; đăng tin xin lỗi và cải chính công khai trong nội bộ Trường Đại học L1 và báo chính thống về hành vi kỷ luật viên chức trái pháp luật và đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật của Trường Đại học L1 đối với bà N; bồi thường số tiền 14.900.000 đồng do Trường Đại học L1 đã xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, uy tín trong quá trình xử lý kỷ luật lao động đối với bà N.

Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Trường Đại học L1 đã ban hành Quyết định số 378/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2020 về việc kỷ luật buộc thôi việc và Quyết định số 379/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2020 về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc đối với bà Lê Thị Ánh N là đúng quy định pháp luật, không chấp nhận các yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp nên Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên.

[2.5] Xét khiếu nại của nguyên đơn bà Lê Thị Ánh N cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã cố tình làm sai lệch hồ sơ vụ án được nêu tại mục [1.5] của bản án này; các ý kiến của nguyên đơn và những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm: Trong thời gian công tác, bà N đã hoàn thành nghĩa vụ giảng dạy theo thỏa thuận trong hợp đồng làm việc, quy định của pháp luật, quy chế nội bộ của Trường L1, không vi phạm Hợp đồng làm việc. Tuy nhiên, bà đã "bị chèn ép, đến nỗi phải nộp đơn xin thôi giữ chức vụ Trưởng bộ môn B1 của Khoa K1 vào tháng 6 năm 2016". Ngoài Kết luận số 1125/KL-ĐHL ngày 12/12/2019, Trường L1 không có bất cứ tài liệu, chứng cứ gì khác chứng minh bà N có hành vi vi phạm kỷ luật lao động nên việc ban hành các Quyết định số 378/QĐ-ĐHL và 379/QĐ-ĐHL cùng ngày 18/5/2020 của Trường L1 là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bà N nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn: Hủy hai Quyết định số 378/QĐ-ĐHL và 379/QĐ-ĐHL cùng ngày 18/5/2020 của Trường L1, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện nhiều hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và ban hành bản án, làm sai lệch hồ sơ vụ án, ban hành nhiều kết luận hoàn toàn không có cơ sở pháp luật, làm sai lệch kết quả giải quyết vụ án. Căn cứ Đơn khởi kiện ngày 05/11/2020, Đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 22/02/2021 của bà Lê Thị Ánh N; Đơn xin thôi giữ chức vụ Trưởng bộ môn B1

ngày 17/12/2015 của bà N; Quyết định số 23/QĐ-ĐHL của Trường L1 về việc thôi chức vụ Trưởng bộ môn B1 đối với bà N; những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; các phần nhận định của Toà án cấp phúc thẩm và khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy những lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Ánh N và những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án nên không có cơ sở chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn.

[3] Đối với các nội dung khác của bản án lao động sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đề cập giải quyết.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy Toà án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng trong việc chưa tiến hành đối chiếu bản chính các tài liệu, chứng cứ mà bị đơn giao nộp và lý do tạm đình chỉ giải quyết vụ án được nêu tại Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 03/2021/QĐST-LĐ ngày 19/4/2021 là chưa phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95, điểm đ khoản 1 Điều 214 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, các vi phạm này đã được khắc phục nên không cần thiết phải hủy bản án lao động sơ thẩm. Xét thấy nhận định này của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm. Về nội dung: Xét thấy kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Ánh N không có cơ sở nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 02/2022/LĐ-ST ngày 16/5/2022 của Tòa án nhân dân Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh. Như phân tích tại phần trên của bản án, xét thấy đề nghị này của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Trường Đại học L1 ban hành các Quyết định số 378/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2020 về việc kỷ luật buộc thôi việc và Quyết định số 379/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2020 về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc đối với bà Lê Thị Ánh N là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N là phù hợp. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Ánh N, giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 02/2022/LĐ-ST ngày 16/5/2022 của Tòa án nhân dân Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị Ánh N được miễn án phí lao động sơ thẩm và án phí lao động phúc thẩm theo quy định

tại a khoản 1 Điều 12, Điều 16 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn Trường Đại học L1 không phải chịu án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm. Trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí lao động sơ thẩm đã nộp cho Trường Đại học L1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 148, Điều 293, khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

Khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012;

Khoản 3 Điều 16, khoản 3 Điều 17, khoản 1 Điều 19, Điều 53 Luật Viên chức năm 2010;

Khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 4, Điều 8, khoản 3 Điều 10, khoản 2 và khoản 11 Điều 11, khoản 5 Điều 13, điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức;

Khoản 2 Điều 28, Điều 31, điểm b khoản 1 Điều 36, Điều 40 và Điều 44 Luật Tố cáo năm 2018;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Luật phí và lệ phí năm 2015;

Điểm a khoản 1 Điều 12, Điều 16 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Ánh N. Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 02/2022/LĐ-ST ngày 16/5/2022 của Tòa án nhân dân Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ánh N đối với Trường Đại học L1 về việc:

1.1. Hủy Quyết định số 378/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2020 về việc kỷ luật buộc thôi việc và Quyết định số 379/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2020 về việc đơn

phương chấm dứt hợp đồng làm việc của Trường Đại học L1 đối với bà Lê Thị Ánh N.

1.2. Nhận bà Lê Thị Ánh N trở lại làm việc theo hợp đồng làm việc đã ký kết.

1.3. Thanh toán tiền lương trong những ngày không được làm việc, tạm tính từ 18/5/2020 đến ngày 18/5/2022 như sau: 14.584.081 đồng x 24 tháng = 350.017.944 đồng (ba trăm năm mươi triệu không trăm mười bảy nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng).

1.4. Tiếp tục đóng tiền bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định hiện hành, tạm tính từ 18/5/2020 đến ngày 18/5/2022 tương ứng với số tiền: 14.584.081 đồng x 22% x 24 tháng = 77.003.948 đồng (bảy mươi bảy triệu không trăm lẻ ba nghìn chín trăm bốn mươi tám đồng).

1.5. Bồi thường khoản tiền tương đương 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật với số tiền là 29.168.162 đồng (hai mươi chín triệu một trăm sáu mươi tám nghìn một trăm sáu mươi hai đồng).

1.6. Đăng tin xin lỗi và cải chính công khai trong nội bộ Trường Đại học L1 và báo chính thống về hành vi kỷ luật viên chức trái pháp luật và đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật của Trường Đại học L1 đối với bà Lê Thị Ánh N.

1.7. Bồi thường số tiền 14.900.000 đồng (mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng) do Trường Đại học L1 đã xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, uy tín trong quá trình xử lý kỷ luật lao động đối với bà Lê Thị Ánh N.

2. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của Trường Đại học L1 đối với bà Lê Thị Ánh N về việc:

2.1. Buộc bà Lê Thị Ánh N phải công khai xin lỗi Trường Đại học L1 trước toàn thể Hội đồng trường, Ban giám hiệu Nhà trường và các viên chức, giảng viên, nhân viên, đồng thời phải đăng thông tin cải chính, xin lỗi trên Báo B1, Báo B2, Báo B3 với nội dung xin lỗi như sau: "Tôi tên Lê Thị Ánh N, là cựu giảng viên Khoa K1 Trường Đại học L1. Vào năm 2020, tôi có khởi kiện Trường Đại học L1 ra Tòa án nhân dân Quận Q3 vì cho rằng Nhà trường và các lãnh đạo Nhà trường đã có các hành vi chèn, ép, trù dập tôi, giả mạo giấy tờ, tài liệu lừa dối Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao che cho vụ việc đạo văn của ông Trần Việt D, ban hành Quyết định kỷ luật và buộc thôi việc đối với tôi trái pháp luật. Nay tôi khẳng định ý kiến trình bày nêu trên của tôi là không đúng sự thật. Tôi

gửi lời xin lỗi chân thành đến Trường Đại học L1, Ban giám hiệu Nhà trường, các viên chức, giảng viên, nhân viên của Nhà trường".

2.2. Buộc bà Lê Thị Ánh N phải bồi thường cho Trường Đại học L1 số tiền tổn thất về tinh thần là 14.900.000 đồng (mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng).

3. Về án phí lao động sơ thẩm:

3.1. Bà Lê Thị Ánh N không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

3.2. Trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) cho Trường Đại học L1 theo Biên lai thu số AA/2019/0036436 ngày 25/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Án phí lao động phúc thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị Ánh N và bị đơn Trường Đại học L1 không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Quận Q3;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận Q3;
- Đương sự;
- Lưu (T22).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Trúc